



 **Panindochina**[®]
Your Safety Solution Provider

Máy Phát Hiện Khí





**INDUSTRIAL
SCIENTIFIC**



SKYLOTEC



KANOX®

Ssekur®

OPGAL
Beyond the Visible

**ZELINSKY
GROUP**

CALGAZ

CHEMDEFEND
PROTECTIVE CLOTHING



3M

**SCOTT
SAFETY**



RESPIREX™
Living + Breathing Personal Protection

ION

CIRLOCK
LOCKOUT / TAGOUT EQUIPMENT

JSP

PRO SAFETY GEAR
prosafetygear.com

Panindochina®

CleanAIR®

STREAMLIGHT

NEWTEX
EXTREME PROTECTIVE APPAREL



MFC International
by RESPIREX
ENGINEERED INFLATABLE PRODUCT SOLUTIONS

THORZT
HYDRATE ENERGISE PERFORM

MAPA®
PROFESSIONNEL

CT
climbing
technology

**CURTISS -
WRIGHT**

ST Protect

Thorogood
SHOES
Since 1892

frontier
SAFETY INDUSTRIAL FOOTWEAR

**INNO
TEX®**

PRATT
SAFETY SYSTEMS

Windsock Company

PIP
PROTECTIVE INDUSTRIAL PRODUCTS

**NEWAGE FIRE PROTECTION
INDUSTRIES PRIVATE LIMITED**

TOBIN
EYEWASH SYSTEM



**KLEVER
INNOVATIONS**

**LW
&
COMPRESSORS**

Panindochina

Nhà cung cấp giải pháp an toàn cho bạn

Là nhà cung cấp chính thức các trang thiết bị an toàn và dịch vụ kỹ thuật tại Việt Nam, nhân tố chính thúc đẩy chúng tôi phát triển từ sự hài lòng của khách hàng thông qua những sản phẩm và dịch vụ chất lượng do chúng tôi cung cấp. Chúng tôi luôn mong muốn trở thành một trong các nhà cung cấp và là đối tác lâu dài hàng đầu của khách hàng ở khu vực Đông Dương.

TẦM NHÌN

Trở thành một trong các nhà cung cấp sản phẩm và dịch vụ có giá trị cao trên thị trường, thông qua việc sử dụng phương thức quản lý hệ thống.

MỤC TIÊU

Xây dựng nhóm thiết bị an toàn cốt lõi với chất lượng và hiệu quả cao được khách hàng đánh giá và nhìn nhận về giá trị của sản phẩm và dịch vụ, đồng thời đáp ứng nhu cầu chức năng của thiết bị đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

Đảm bảo và xây dựng **Panindochina** trở thành một trong các công ty có giá trị thương hiệu và uy tín trên thị trường, để chia sẻ các giá trị này đến người sử dụng.

Tìm hiểu và giới thiệu các nhà cung cấp tiềm năng khác có liên quan, để giúp khách hàng hoàn thiện chuỗi cung ứng sản phẩm.

Tiếp tục kế hoạch đào tạo và xây dựng nguồn nhân sự chuyên nghiệp cho sự phát triển lâu dài và bền vững của Công ty.

NHIỆM VỤ

Nhằm mục đích thiết lập mạng lưới phân phối bao gồm các đại lý phân phối và đội ngũ bán hàng khu vực để tiếp cận và phục vụ khách hàng trong khu vực chính của Việt Nam.

Xây dựng các cơ sở dịch vụ kỹ thuật để tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật sau bán hàng đáp ứng nhu cầu của khách hàng đối với các trang thiết bị an toàn do chúng tôi cung cấp.

Lập kế hoạch phát triển cho công ty và từng bước thực hiện các kế hoạch đó để xây dựng nguồn nhân sự chuyên nghiệp có kinh nghiệm đáp ứng nhiệm vụ và tầm nhìn của công ty.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chất lượng sản phẩm hướng về mục tiêu Giá trị và Hiệu quả sử dụng.

Tinh thần làm việc tập thể của toàn bộ nhân viên công ty để hỗ trợ khách hàng tốt nhất.

Nâng cao nhận thức về thị trường để xây dựng kênh trao đổi thông tin hiệu quả nhất giữa Nhà sản xuất - Nhà phân phối - Người sử dụng.

Máy Phát Hiện Đơn Khí

www.panindochina.com.vn



GasBadge® Pro

Được phát triển trên những tiêu chuẩn chất lượng và độ tin cậy cao nhất, GasBadge Pro cung cấp sự bảo vệ toàn vẹn đối với các nguy hiểm về khí với nhiều tính năng vượt trội so với các máy phát hiện đơn khí khác trên thị trường.

- Máy phát hiện đơn khí với đầy đủ các tính năng ưu việt.
- Có thể thay đổi cảm biến phù hợp.
- Tương thích với bộ hiệu chuẩn DSX™ và iNet®.

Đặc Tính Kỹ Thuật

Vỏ Máy:

- Vỏ máy bằng polycarbonate chắc chắn chống nước và chịu va đập.
- Chống nhiễu (RFI).

Kích Thước:

- 94 mm x 50.8 mm x 27.9 mm.

Màn Hình Hiển Thị:

- Màn hình tinh thể lỏng tùy chỉnh với biểu tượng hình ảnh dễ dàng sử dụng.
- Hiển thị phân đoạn cho chỉ số khí trực tiếp.
- Đèn nền hỗ trợ sử dụng trong điều kiện thiếu ánh sáng.
- Chế độ hiển thị "Đạt/ Không đạt".
- Hiển thị chỉ số đọc cao nhất.

Cảnh Báo:

- Người sử dụng có thể chọn cảnh báo/ điều chỉnh.
- Cảnh báo đèn LED siêu sáng, âm thanh lớn (95 dB) và cảnh báo rung.

Trọng Lượng:

- 85 g.

Pin/Thời Gian Sử Dụng:

- Sử dụng pin 3V, CR2 có thể thay thế.
- Thời gian sử dụng lên đến 2,600 giờ.

Lưu Trữ Dữ Liệu:

- 1 năm – ghi nhận mỗi phút

Nhiệt Độ Làm Việc:

- -40°C đến 60°C.

Độ Ẩm Làm Việc:

- 0-99% RH (Không ngưng tụ).

Ghi Nhận Biến Cố:

- Liên tục cập nhật 15 cảnh báo gần nhất, đánh dấu cảnh báo đã được xảy ra trong thời gian bao lâu, thời gian xảy ra cảnh báo, và chỉ số đọc cao nhất trong suốt cảnh báo.
- Thông tin cảnh báo có thể được xem trên máy tính hoặc in trực tiếp từ thiết bị thông qua máy in hồng ngoại.

Phụ Kiện



Trích xuất dữ liệu GasBadge



GasBadge Pro với Bộ hiệu chuẩn DSX

Ứng Dụng



GasBadge Pro trong một nhà máy lọc dầu



Tango® TX2

Hạn chế dừng hoạt động công việc không mong muốn phát sinh từ những cảnh báo lỗi bằng cách cải thiện độ chính xác của cảnh báo với 2 cảm biến riêng biệt.

Pin có thể thay thế giúp loại bỏ yêu cầu sạc pin

Thông số hiển thị có thể tùy chỉnh cho phép xem các chỉ số khí người sử dụng quan tâm nhất

Thiết kế gọn nhẹ và đơn giản qua đó giúp nâng cao khả năng tuân thủ và sẵn sàng sử dụng của người lao động

Đặc Tính Kỹ Thuật

Bảo Hành:

- Bảo hành 1 năm đối với tất cả các loại cảm biến.

Màn Hình:

- Màn hình hiển thị tinh thể lỏng LCD.

Phím Bấm:

- Hai nút bấm.

Chất Liệu Vỏ Máy:

- Mặt trên: Polycarbonate với lớp phủ cao su chịu va đập.
- Mặt dưới: Được làm bằng poly-carbonate.

Cảnh Báo:

- 3 đèn LED cảnh báo nhấp nháy (2 đỏ, 1 xanh dương). Cảnh báo rung.
- Cảnh báo âm thanh 100 dB tại khoảng cách 10 cm.

Kích Thước:

- 99 x 51 x 35 mm.

Trọng Lượng:

- 126 g.

Nhiệt Độ Làm Việc:

- 40°C đến + 50°C

Độ Ẩm Làm Việc:

- 15%-95% không ngưng tụ (liên tục)..

Cảm Biến:

- CO, CO/H₂ thấp, H₂S, NO₂, SO₂ - Công nghệ cảm biến điện hóa.

Pin:

- 3.6 V Primary Lithium-Thionyl Chloride (Li-SOCl₂), 1.5AH, 2/3AA, có thể thay thế, sử dụng 1 lần, luôn ở chế độ hoạt động, thời gian sử dụng lên đến 2 năm phụ thuộc vào điều kiện hoạt động.

Lưu Trữ Dữ Liệu:

- Thời gian 3 tháng với 10 giây/1 lần.

Lưu Trữ Biến Cố:

- 60 biến cố được cảnh báo.

Chỉ Số Bảo Vệ:

- IP66, IP67.

Phụ Kiện



So sánh kích thước của Tango TX1



Tango TX1 với Bộ hiệu chuẩn DSX

Ứng Dụng



Ứng dụng của Tango TX1



Chứng Nhận

ANZEx: Ex ia I/II T4

ATEX: Ex ia I/Ex ia IIC T4; Equipment Group/Category I M1/II 1G

CMA: Ex ia I

CSA: Cl I, Gr A-D, T4; Ex ia IIC T4

IECEX: Ex ia I/II T4

INMETRO: Ex ia IIC T4

KC: Ex ia I/II T4

UL: Cl I, Div 1, Gr A-D, T4; Cl II, Gr E-G

Phạm Vi Đo

Cảm biến	Phạm vi đo	Gia số	
Carbon Monoxide	CO	0-1,500	1 ppm
Hydrogen Sulfide	H ₂ S	0-500 ppm	0.1 ppm
Oxygen	O ₂	0-30% vol	0.1%
Nitrogen Dioxide	NO ₂	0-150 ppm	0.1 ppm
Sulfur Dioxide	SO ₂	0-150 ppm	0.1 ppm
Ammonia	NH ₃	0-500 ppm	1 ppm
Chlorine	Cl ₂	0-100 ppm	0.1 ppm
Chlorine Dioxide	ClO ₂	0-1 ppm	0.01 ppm
Phosphine	PH ₃	0-10 ppm	0.01 ppm
Hydrogen Cyanide	HCN	0-30 ppm	0.1 ppm
Hydrogen	H ₂	0-2,000 ppm	1 ppm
CO/H ₂ thấp	CO/H ₂ thấp	0-1,000 ppm	1 ppm

Phạm Vi Đo

Cảm biến	Phạm vi đo	Gia số	
Carbon Monoxide	CO	1-1,000 ppm	1 ppm
Carbon Monoxide	CO/H ₂ thấp	0-1,000 ppm	1 ppm
Hydrogen Sulfide	H ₂ S	0-500 ppm	0.1 ppm
Nitrogen Dioxide	NO ₂	0-150 ppm	0.1 ppm
Sulfur Dioxide	SO ₂	0-150 ppm	0.1 ppm

Chứng Nhận

Tiêu chuẩn chống nước IP66; IP67

-40°C đến +50°C (-40°F đến +122°F)

ATEX: Ex ia I Ma; Ex ia IIC T4 Ga; Equipment Group/Category: I M1/II 1G

CSA: Cl I, Gr A-D, T4; Ex ia IIC T4

IECEX: Ex ia I Ma; Ex ia IIC T4 Ga

UL (C-US): Cl I, Gr A-D, T4; Cl II, Gr E-G; Cl I, Zone 0, AEx ia IIC T4

INMETRO: Ex ia I Ma; Ex ia IIC T4 Ga

-20°C đến +50°C (-4°F đến +122°F)

CMA: Ex ia I Ma; H₂S, CO

KC: Ex ia IIC T4

EAC: PO Ex ia I X; 0 Ex ia IIC T4 X

Công Nghệ

Công nghệ DualSense® sử dụng thêm những cảm biến để xác định nồng độ của khí xác định trong không khí và giảm những nguy cơ máy trong tình trạng không hoạt động. 2 cảm biến cùng loại trong một máy phát hiện đơn khí cho người lao động chỉ số đọc khí chính xác nhất.





Ventis® MX4

Máy phát hiện khí Ventis MX4 được phát triển nhằm đáp ứng sự an toàn cho người sử dụng. Ventis MX4 đưa chương trình phát hiện khí của bạn lên một tầm cao mới.

- Phát hiện từ 1 đến 4 khí với nhiều lựa chọn các cảm biến khí.
- Tùy chọn phiên bản khuếch tán khí hoặc có bơm hút khí theo nhu cầu sử dụng, dễ dàng tích hợp bơm lấy mẫu khí trên phiên bản khuếch tán.
- Một trong các phiên bản máy phát hiện đa khí có kích thước nhỏ nhất.
- Có 2 màu: đen và cam an toàn.
- Tương thích với bộ hiệu chuẩn DSX™ và iNet®.

Đặc Tính Kỹ Thuật

Bảo Hành:

- Bảo hành 1 năm bao gồm cảm biến và pin.

Màn Hình:

- Màn hình hiển thị tinh thể lỏng có đèn nền (LCD).

Chất Liệu Vỏ Máy:

- Polycarbonate phủ lớp chịu va đập.

Cảnh Báo:

- Cảnh báo đèn LED siêu sáng, âm thanh lớn (95 dB tại khoảng cách 30 cm) và cảnh báo rung.

Kích Thước:

- 103 mm x 58 mm x 30 mm - Ventis với pin Lithium-ion.
- 172 mm x 67 mm x 66 mm - Ventis tích hợp bơm hút, pin Lithium-ion.

Trọng Lượng:

- 182 g - Ventis, pin lithium-ion.
- 380 g - Ventis tích hợp bơm hút, pin lithium-ion.

Nhiệt Độ Làm Việc:

- -20°C đến +50°C.

Độ Ẩm Làm Việc:

- 15%-95% không ngưng tụ (liên tục).

Cảm Biến:

- Khí cháy/methane (CH₄) – Cảm biến xúc tác.
- O₂, CO/H₂ thấp, CO, H₂S, NO₂, SO₂ – Cảm biến điện hóa.

Pin/ Thời Gian Hoạt Động:

- Pin sạc lithium-ion dung lượng cao, loại mỏng: (Khoảng 18 giờ @ 20°C) - không bơm hút.
- Pin sạc lithium-ion tiêu chuẩn: (Khoảng 12 giờ @ 20°C) - không bơm hút.
- Pin sạc lithium-ion dung lượng cao: (Khoảng 20 giờ @ 20°C) - không bơm hút. (Khoảng 12 giờ @ 20°C) - tích hợp bơm hút.
- Pin thay thế Alkaline AAA: (Khoảng 8 giờ @ 20°C) - không bơm hút. (Khoảng 4 giờ @ 20°C) - tích hợp bơm hút.

Bộ thiết bị không gian hạn chế của Ventis MX4 với bơm trượt bao gồm:

Bộ dụng cụ không gian hạn chế của Ventis MX4 có bơm trượt bao gồm: Ventis có cảm biến LEL, CO, H₂S, và O₂, Bơm trượt của Ventis, bộ sạc máy tính để bàn 110 VAC cho mỗi dụng cụ sạc được đặt hàng (tối đa là 2), cốc hiệu chuẩn và ống chữ T, đầu lọc cán bụi/ nước, ống mẫu 10 feet, bình khí hiệu chuẩn 34 lít, bộ điều chỉnh bằng tay, hộp đựng bằng nhựa cứng.

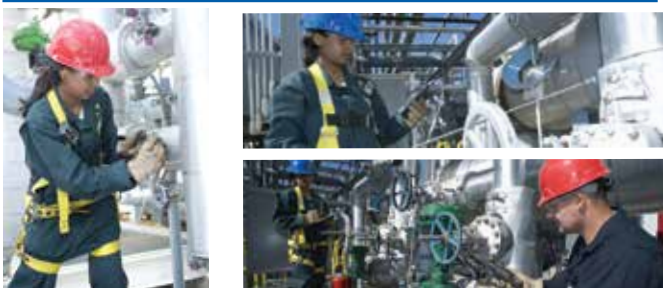


Bộ thiết bị không gian hạn chế của Ventis MX4 tích hợp bơm hút bao gồm:

Máy phát hiện khí có bơm hút, bộ sạc, túi bảo quản, sách hướng dẫn sử dụng, ống hiệu chuẩn, đầu lọc cán bụi/ nước, ống lấy mẫu khí, chai khí hiệu chuẩn (hỗn hợp khí tương ứng) van hiệu chuẩn, hộp đựng bảo quản cứng.



Ứng Dụng



Phạm Vi Đo

Cảm biến	Phạm vi đo	Giá số
Khí cháy	0-100% LEL	1%
Methane (CH ₄):	0-5% vol	0.01%
Oxygen (O ₂)	0-30% vol	0.1%
Carbon monoxide (CO/H ₂ thấp)	0-1,000 ppm	1 ppm
Carbon monoxide (CO)	0-1,000 ppm	1 ppm
Hydrogen sulfide (H ₂ S)	0-500 ppm	0.1 ppm
Nitrogen dioxide (NO ₂)	0-150 ppm	0.1 ppm
Sulfur dioxide (SO ₂)	0-150 ppm	0.1 ppm

Chứng Nhận

Tiêu chuẩn chống nước IP66; IP67	
ANZEx:	Ex ia s Zone 0 I/IIC T4
ATEX:	Ex ia IIC T4 Ga and Ex ia I Ma; Equipment Group and Category II 1G/I M1
CMA:	Approved for Underground Mines with CO, H ₂ S, O ₂ and CH ₄ (Note: Diffusion 17144453 pack only)
CSA:	CI I, Div 1, G A-D, T4; Ex d ia IIC T4
EAC:	PBExdial X/1ExdialICT4 X
IECEX:	Ex ia IIC T4 Ga
INMETRO:	Ex ia IIC T4 Ga
KC:	Ex d ia IIC T4
KIMM:	Ex d ia IIC T4
MED:	Portable Multi-Gas Detector; Category 2 (MED 96/98/EC; MED 2012/32/EU Marine Directive) Li-ion
MSHA:	30 CFR Part 22; Permissible for underground mines; Li-ion
PA-DEP:	BFE 46-12 Permissible for PA Bituminous Underground Mines; Charger/docking station accessories; Category 1
SANS:	SANS 1515-1; Type A; Ex ia I/IIC T4; Li-ion
TIIS:	Ex ia IIC T4 X
UL:	CI I, Div 1, Groups A-D, T4; Zone 0, AEx ia IIC T4; CI II, Gr F-G (Carbonaceous and Grain dust)

Phụ Kiện



Ventis MX4 với Bộ hiệu chuẩn DSX



Túi bảo quản



Hiệu chuẩn Ventis MX4 không bơm hút



Bộ sạc đơn/Trích xuất dữ liệu



Hiệu chuẩn Ventis MX4 có bơm hút



Bơm trượt Ventis®



Ventis® Pro5

Máy phát hiện khí Ventis Pro5 phù hợp sử dụng trong những môi trường cần theo dõi 4 hoặc 5 khí cùng lúc, tất cả được tích hợp trong máy phát hiện khí tốt nhất thị trường.

- Cấu hình cảm biến linh hoạt phát hiện lên đến 5 khí.
- Thông điệp khởi động tùy chỉnh, thông điệp kích hoạt cảnh báo và báo động khí phát hiện.
- Cảnh báo Man-down và chức năng yêu cầu hỗ trợ.
- Quản lý người sử dụng và khu vực làm việc với công nghệ iAssign™.
- IP68 chống bụi và nước.
- Có sẵn loại tích hợp bơm và không bơm.
- Nhắc nhở bảo dưỡng và quá hạn hiệu chuẩn.
- Tương thích với hệ thống DSX™ và iNet®.

Đặc Tính Kỹ Thuật

Bảo Hành:

- Bảo hành 1 năm đối với tất cả các loại cảm biến, bơm lấy mẫu khí và pin.

Màn Hình Hiển Thị:

- Màn hình hiển thị tinh thể lỏng (LCD) có đèn nền.

Phím Bấm:

- 2 nút vận hành, nút chức năng yêu cầu hỗ trợ.

Chất Liệu Vỏ Máy:

- Polycarbonate với lớp bao phủ bằng cao su chịu va đập.

Cảnh Báo:

- 4 đèn LED cảnh báo (2 đỏ, 2 xanh dương), cảnh báo âm thanh 95 dB tại khoảng cách 10 cm.
- Cảnh báo rung.

Kích Thước:

- 104 x 58 x 36 mm không bơm hút
- 172 x 67 x 65 mm tích hợp bơm hút
- 104 x 58 x 61 mm với pin Wi-fi hoặc Cellular

Trọng Lượng:

- Khoảng 200 g, không bơm hút
- Khoảng 390 g, tích hợp bơm hút
- Khoảng 243 g, với pin Wi-fi Lithium-ion
- Khoảng 244 g, với pin Cellular Lithium-ion

Nhiệt Độ Làm Việc:

- -40°C đến 50°C.

Độ Ẩm Làm Việc:

- 15%-95% không ngưng tụ.

Lưu Trữ Dữ Liệu:

- Tối thiểu 3 tháng, ghi dữ liệu mỗi 10 giây.

Lưu Trữ Biên Cố:

- 60 cảnh báo.

Bảo Vệ Chống Nước:

- IP68 (ngâm trong nước với độ sâu 1.5 mét trong 1 giờ).

Phụ Kiện Theo Máy:

- Nắp hiệu chuẩn (Ventis), ống lấy mẫu khí (Ventis với bơm hút), sách hướng dẫn sử dụng.

Ngôn Ngữ:

- Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Đức.

Pin/ Thời Gian Sử Dụng:

- Pin sạc lithium-ion dung lượng cao, loại mỏng: (không tùy chọn bơm hút) (Khoảng 18 giờ @ 20°C) với LEL (Khoảng 54 giờ @ 20°C) với IR
- Pin sạc lithium-ion tiêu chuẩn: (không tùy chọn bơm hút) (Khoảng 12 giờ @ 20°C) với LEL (Khoảng 36 giờ @ 20°C) với IR
- Pin sạc lithium-ion dung lượng cao với LEL (Khoảng 23 giờ @ 20 °C) không bơm hút (Khoảng 18 giờ @ 20 °C) tích hợp bơm hút
- Pin sạc lithium-ion dung lượng cao với IR (Khoảng 72 giờ @ 20 °C) không bơm hút (Khoảng 32 giờ @ 20 °C) tích hợp bơm hút
- Pin sạc Wi-fi Lithium-ion (không tùy chọn bơm hút) (Khoảng 16 giờ @ 20 °C) với LEL
- Pin sạc Cellular Lithium-ion (không tùy chọn bơm hút) (Khoảng 16 giờ @ 20 °C) với LEL

Cảm Biến:

- Khí cháy/Methane (CH₄) – Cảm biến xúc tác.
- O₂, CO, CO/H₂ thấp, H₂S, HCN, NH₃, NO₂, PH₃, SO₂, Cl₂ - Cảm biến điện hóa.
- CO₂, CH₄, CO₂/LEL, CO₂/CH₄, HC – Cảm biến hồng ngoại (IR).

Cổng Giao Tiếp:

Kết nối không dây Lens™ Wireless

- Tần số: Băng tần không dây ISM (2.405 - 2.480 GHz)
- Kết nối tối đa: 25 thiết bị trên một mạng lưới
- Phạm vi: Khoảng cách kết nối giữa 2 thiết bị lên đến 300m
- Mã hóa: AES-128
- Chứng nhận: Chứng nhận: FCC Part 15, IC, CE/RED, hoặc tương đương**
- Di động
- LTE CAT M1
- US: AT&T, Verizon
- Canada: TBD
- WI-FI: 802.11 b/g/n 2.4GHz wi-fi với hệ bảo mật WPA2

Chứng Nhận Không Dây:

- Thiết bị Ventis Pro5 FCC, ISCED – Canada, Quy định về thiết bị vô tuyến của EU (R.E.D.) và nhiều quốc gia khác
- Ventis Pro5 với wi-fi: FCC, ISCED – Canada, Quy định về thiết bị vô tuyến của EU (R.E.D.)
- Ventis Pro5 với LTE Cat M1 Cellular: FCC, ISCED-Canada, PTCRB, AT&T và Verizon

Phạm Vi Đo

Cảm biến	Phạm vi đo	Giá số
Cảm biến xúc tác		
Khí cháy:	0-100% LEL	1%
Methane (CH ₄):	0-5% vol	0.01%
Cảm biến điện hóa		
Ammonia (NH ₃):	0-500 ppm	1 ppm
Carbon Monoxide (CO):	0-2,000 ppm	1 ppm
Carbon Monoxide (CO/H ₂ thấp):	0-1,000 ppm	1 ppm
Carbon Monoxide/Hydrogen Sulfide (CO/H ₂ S):	CO: 0-1,500 ppm	1 ppm
	H ₂ S: 0-500 ppm	0.1 ppm
Chlorine (Cl ₂):	0-50 ppm	0.1 ppm
Hydrogen Sulfide (H ₂ S):	0-500 ppm	0.1 ppm
Hydrogen Cyanide(HCN):	0-30 ppm	0.1 ppm
Nitrogen Dioxide (NO ₂):	0-150 ppm	0.1 ppm
Oxygen (O ₂) (Tiêu chuẩn/ Tuổi thọ lâu):	0-30% vol	0.1 %
Phosphine (PH ₃):	0-10 ppm	0.01 ppm
Sulfur Dioxide (SO ₂):	0-150 ppm	0.1 ppm
Cảm biến hồng ngoại		
Carbon Dioxide (CO ₂):	0-5% vol	0.01 %
Methane (CH ₄)	0-5% vol	0.01 %
	5-100% vol	0.1 %
Carbon Dioxide/Combustible:	CO ₂ : 0-5% vol	0.01 %
	LEL: 0-100% LEL	1 %
Carbon Dioxide/Methane:	CO ₂ : 0-5% vol	0.01 %
	CH ₄ : 0-5% vol	0.01 %
	CH ₄ : 5-100% vol	0.1 %
Hydrocarbons:	0-100% LEL	1 %

Chứng Nhận

Tiêu chuẩn chống nước IP68	
ANZEx:	Ex ia I Ma/Ex ia IIC T4 Ga, -40 °C ≤ Ta ≤ 50 °C Ex d ia I Mb/Ex d ia IIC T4 Gb IR sensor, -20 °C ≤ Ta ≤ 50 °C IR sensor
ATEX:	Equipment Group and Category II 1G, Ex ia IIC, Ga, T4 Equipment Group and Category II 2G, Ex d ia IIC, Gb, T4, IR sensor
CSA:	CI I, Div 1, Gr A-D, T4; CI I, Zone 1, Ex d ia IIC, T4 C22.2 No. 152 for % LEL reading only
IECEx:	CI I, Zone 0, Ex ia IIC, Ga, T4; CI I, Zone 1, Ex d ia IIC, Gb, T4, IR sensor
INMETRO:	Ex ia IIC T4 Ga, -40 °C ≤ Ta ≤ 50 °C Ex d ia IIC T4 Gb IR sensor, -20 °C ≤ Ta ≤ 50 °C IR sensor
KC:	Ex d ia IIC T4
MSHA:	30 CFR Part 22; Permissible for underground mines
PA-DEP:	BFE 46-12 Permissible for PA Bituminous underground mines
UL:	CI I, Div 1, Gr A-D, T4; CI II, Div 1, Gr E-G, T4 CI I, Zone 0, AEx ia IIC, T4; CI I, Zone 1, AEx d ia IIC, T4, IR sensor

Phụ Kiện



iAssign

Thẻ iAssign

Bơm trượt Ventis®

Bộ sạc đơn/Trích xuất dữ liệu

Ventis Pro với DSX



MX6 iBrid®

Nâng cấp độ phát hiện khí của bạn lên những tầm cao mới với MX6 iBrid®. Với khả năng phát hiện lên đến 6 khí cùng thời điểm, 24 cảm biến có thể tùy chọn, và danh mục cài đặt cấu hình đa dạng, iBrid easily dễ dàng đáp ứng như cầu an toàn của bạn

- 24 cảm biến có thể thay thế bao gồm cảm biến ID và cảm biến hồng ngoại
- Phát hiện lên đến 6 khí cùng lúc
- Đơn giản, dễ sử dụng, có thể tùy chỉnh, thanh công cụ chi tiết
- Nút bấm điều chỉnh 5 chiều
- Vỏ máy chắc chắn, chịu va đập tốt
- Tùy chọn tích hợp bơm lấy mẫu khí với khả năng lấy mẫu lên đến 30,5 mét (100 feet)
- Màn hình màu LCD có khả năng hiển thị cao trong những điều kiện ánh sáng khác nhau
- Cảnh báo âm thanh to lên đến 95 dB

Đặc Tính Kỹ Thuật

Bảo Hành:

- Thiết bị được bảo hành như chính sách nhà sản xuất Industrial Scientific.

Chất Liệu Vỏ Máy:

- Thép không gỉ/ABS/Lexan với lớp bao phủ bằng cao su chịu va đập.

Kích Thước:

- 135 mm x 77 mm x 43 mm – không bơm hút.
- 167 mm x 77 mm x 56 mm – tích hợp bơm hút.

Trọng Lượng:

- Khoảng 409 g – không bơm hút.
- Khoảng 511 g – tích hợp bơm hút.

Màn Hình Hiển Thị:

- Màn hình màu tinh thể lỏng.

Pin/ Thời Gian Sử Dụng:

- Pin sạc lithium-ion dung lượng cao (36 giờ) – không bơm hút.
- Pin sạc lithium-ion dung lượng cao (24 giờ) – tích hợp bơm hút.
- Pin thay thế Alkaline AA (10.5 giờ) – không bơm hút.

Nhiệt Độ Làm Việc:

- -20°C đến 55°C.

Độ Ẩm Làm Việc:

- 15% đến 95% không ngưng tụ (liên tục).

Chứng Nhận

Tiêu chuẩn chống nước IP64	
ANZEx:	Ex ia s Zone 0 I; Ex ia s Zone 0 IIC T4
ATEX:	Ex ia IIC T4 Ga; II 1G (or Ex d ia IIC T4 Gb IR sensor); Ex ia I; Equipment Group and Category: I M1/II 1G
CMA:	Approval for Mining Products; CH ₄ , O ₂ , CO, CO ₂
CSA:	CI I, Gr A-D T4; Ex d ia IIC T4
EAC:	PBExiadI X; 1ExiadIIC T4 X
IECEX:	Ex ia I (Ex ia d I IR sensor); Ex ia IIC T4 Ga; Ex d ia IIC T4 Gb
INMETRO:	Ex ia IIC T4 Ga
KC:	Ex d ia IIC T4
KIMM:	Ex d ia IIC T4
MDR:	Registration of Plant Design; CH ₄ , O ₂ , CO, H ₂ S, NO ₂
MSHA:	30 CRF, Part 22, Intrinsically safe for methane/air mixtures
PA-DEP:	BFE 114-08 Permissible for PA Bituminous Underground Mines
UL:	CI I, Div 1, Gr A-D, T4; CI II, Groups F G; CI I, Zone LEL 0, AEx ia d IIC T4 (or AEx ia d IIC T4 IR sensor)

Ứng dụng



Phạm Vi Đo

Cảm biến	Phạm vi đo	Giá số
Cảm biến xúc tác		
Khí cháy	0-100% LEL	1%
Methane (CH ₄)	0-5% vol	0.01%
Cảm biến điện hóa		
Ammonia (NH ₃)	0-500 ppm	1
Carbon Monoxide (CO)	0-1,500 ppm	1
Carbon Monoxide (CO) (dây đo rộng)	0-9,999 ppm	1
Carbon Monoxide/Hydrogen thấp (CO/H ₂ thấp):	0-1,000 ppm	1
Chlorine (Cl ₂)	0-50 ppm	0.1
Chlorine Dioxide (ClO ₂)	0-1 ppm	0.01
Carbon Monoxide/	CO: 0-1,500 ppm	1
Hydrogen Sulfide (COSH)	H ₂ S: 0-500 ppm	0.1
Hydrogen (H ₂)	0-2,000 ppm	1
Hydrogen Chloride (HCl)	0-30 ppm	0.1
Hydrogen Cyanide (HCN)	0-30 ppm	0.1
Hydrogen Sulfide (H ₂ S)	0-500 ppm	0.1
Nitric Oxide (NO)	0-1,000 ppm	1
Nitrogen Dioxide (NO ₂)	0-150 ppm	0.1
Oxygen (O ₂)	0-30% vol	0.1%
Phosphine (PH ₃)	0-5 ppm	0.01
Phosphine (PH ₃) (dây đo rộng)	0-1,000 ppm	1
Sulfur Dioxide (SO ₂)	0-150 ppm	0.1
Cảm biến hồng ngoại		
Hydrocarbons	0-100% LEL	1%
Methane (CH ₄) (% vol)	0-100% vol	1%
Methane (CH ₄) (% LEL)	0-100% LEL	1%
Carbon Dioxide (CO ₂)	0-5% vol	0.01%
Cảm biến PID		
VOC	0-2,000 ppm	0.1

Phụ Kiện



Bộ MX6 sử dụng trong không gian hạn chế

Dễ dàng thay thế Cảm biến

Bộ sạc MX6

Bộ bơm hút mẫu khí SP6

MX6 với DSX



Radius® BZ1

Hãy lựa chọn ngay Radius BZ1 cho việc theo dõi khí khu vực. Với Radius BZ1 bạn đã có một máy phát hiện khí khu vực tốt nhất trên thị trường, thời gian sử dụng lâu nhất, không cần cài đặt nhiều, giảm thời gian huấn luyện sử dụng.

- Phát hiện lên đến 7 khí với 15 loại cảm biến có thể chọn lựa bao gồm cảm biến PID.
- Máy phát hiện khí khu vực có thời gian hoạt động lâu nhất lên đến 7 ngày (168 giờ).
- Âm thanh cảnh báo khoảng 108 dB tại khoảng cách 1 m thích hợp ngay cả với những môi trường có tiếng ồn cao.
- Hệ thống kết nối LENS™ Wireless chia sẻ cảnh báo và dữ liệu mà không cần cài đặt hoặc thiết lập.
- Màn hình hiển thị lớn nhất trên thị trường.
- Thông điệp cảnh báo có thể tùy chỉnh như "Sơ tán" hoặc "Thông khí".
- Công nghệ DualSense® tăng sự an toàn cho người sử dụng bằng cách sử dụng 2 cảm biến để phát hiện cùng 1 khí.
- Tương thích với bộ hiệu chuẩn DSX™ và iNet®.

Phạm Vi Đo

Cảm biến	Phạm vi đo	Giá số
Cảm biến xúc tác		
Khí cháy:	0-100% LEL	1%
Cảm biến điện hóa		
Ammonia (NH ₃):	0-500 ppm	1 ppm
Carbon Monoxide (CO):	0-1,500 ppm	1 ppm
Carbon Monoxide (CO dây đo rộng):	0-9,999 ppm	1 ppm
Carbon Monoxide (CO/H ₂ thấp):	0-1,000 ppm	1 ppm
Carbon Monoxide/Hydrogen Sulfide:	CO: 0-1,500 ppm	1 ppm
	H ₂ S: 0-500 ppm	0.1 ppm
Chlorine (Cl ₂):	0-50 ppm	0.1 ppm
Hydrogen (H ₂):	0-2,000 ppm	1 ppm
Hydrogen Sulfide (H ₂ S):	0-500 ppm	0.1 ppm
Hydrogen Cyanide (HCN):	0-30 ppm	0.1 ppm
Nitrogen Dioxide (NO ₂):	0-150 ppm	0.1 ppm
Oxygen (O ₂):	0-30% vol	0.1 %
Sulfur Dioxide (SO ₂):	0-150 ppm	0.1 ppm
Phosphine (PH ₃):	0-5 ppm	0.1 ppm
Nitric Oxide (NO):	0-1000 ppm	1 ppm
Cảm biến PID		
Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) (10.6 eV):	0-2,000 ppm	0.1 ppm

Chứng Nhận

Ingress Protection IP66	
ATEX:	Ex da ia IIC T4 Ga, Equipment Group and Category II 1G
CSA:	Cl I, Div 1, G A-D, T4
	C22.2 No. 152 applies only to %LEL thermo-catalytic reading
IECEX:	Ex da ia IIC T4 Ga
INMETRO:	Ex da ia IIC T4 Ga; Ex db ia IIC T4 Gb IR sensor
KC:	Ex d ia IIC T4
UL:	Cl I, Div 1, Gr A-D, T4; Cl 1 Zone 0 AEx da ia IIC T4 Ga1

Phụ Kiện



Sử Dụng Máy Phát Hiện Khí Khu Vực Radius BZ1 Như Thế Nào?

Máy phát hiện khí khu vực là giải pháp có tính linh động cao vì có thể được trang bị với những cấu hình mạng tính chất tạm thời hoặc dài hạn dựa vào những tính chất đặc biệt của mỗi nguy hại. Với công nghệ không dây LENS™ Wireless, người sử dụng có thể thiết lập mạng lưới phát hiện khí siêu việt và cung cấp khả năng hiển thị các mối nguy hại xảy ra ở bất kỳ vị trí nào.

- ① Giám sát không gian hạn chế - Nắm bắt những yếu tố đang xảy ra trong không gian hạn chế bằng cách sử dụng SafeCore tích hợp bơm hút và ống lấy mẫu khí.
- ② Giám sát khí khu vực – Lắp đặt máy phát hiện khí xung quanh tầng bồn, khu vực làm việc có nhiệt độ cao, hoặc những khu vực làm việc tồn tại những mối nguy hiểm đã được nhận biết khác, nhằm theo dõi liên tục rò rỉ khí.
- ③ Tạo hàng rào giám sát – Tạo một hàng rào giữa khu vực an toàn và khu vực làm việc nguy hại. Sử dụng khả năng kết nối chuyển tiếp của công nghệ không dây LENS™ Wireless nhằm nhận biết tình hình diễn biến tại những khu vực cách xa lên đến 1.5 km.

Điểm nổi bật của công nghệ kết nối không dây LENS™ Wireless:

- Không yêu cầu thiết kế hạ tầng.
- Vận hành siêu việt.
- Không yêu cầu cài đặt công nghệ thông tin (IT).

Đặc Tính Kỹ Thuật

Bảo Hành:

- Bảo hành 1 năm, bao gồm cảm biến và pin.

Màn Hình Hiển Thị:

- Màn hình hiển thị tinh thể lỏng đơn sắc 11.2 cm.

Bàn Phím:

- 3 nút bấm.

Vật Liệu Vỏ Máy:

- Polycarbonate chống va đập.

Cảnh Báo:

- Cảnh báo âm thanh lớn 108 dB tại 1 m.
- Cảnh báo hiển thị đèn LEDs (đỏ và xanh dương).

Kích Thước:

- 29 x 29 x 55 cm.

Trọng Lượng:

- 7.5 kg.

Nhiệt Độ Làm Việc:

- -20°C đến 55°C.

Độ Ẩm Làm Việc:

- 15%-95% không ngưng tụ (liên tục).

Lưu Trữ Dữ Liệu:

- Tối thiểu 3 tháng với 10 giây 1 lần.

Lưu Trữ Biến Cố:

- 60 cảnh báo.

Ngôn Ngữ:

- Tiếng Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Đức.

Cấp Độ Bảo Vệ:

- IP66.

Pin/ Thời Gian Sử Dụng:

- Pin sạc NiMH.
- Khoảng 7 ngày (168 giờ) tại 20°C, không bơm hút, sử dụng mạng không dây (wireless).
- Khoảng 3.5 ngày (84 giờ) tại 20°C, với bơm hút, sử dụng mạng không dây (wireless).
- Khoảng 30 ngày (720 giờ) tại 20°C, chỉ sử dụng cảm biến điện hóa, với bơm hút, sử dụng mạng không dây (wireless).
- Thời gian sạc khoảng 8 giờ.

Cảm Biến:

- Lên đến 6 cảm biến (xúc tác, PID và điện hóa).
- Phát hiện 7 khí cùng lúc.
- Bơm hút tích hợp có thể chọn lựa, lấy mẫu khí lên đến 30.48 m.

Cung Cấp Theo Máy:

- Nắp hiệu chuẩn (với phiên bản không bơm hút, ống lấy mẫu khí và đầu cân nước (với phiên bản bơm hút), hướng dẫn sử dụng, dụng cụ mở máy, sạc pin.

Kết Nối Không Dây:

- Kết nối không dây LENS™ Wireless có thể chọn lựa, mạng lưới kết nối đặc biệt.
- Tần số: Băng tần ISM (2.4 GHz).
- Kết nối tối đa:
 - + 25 thiết bị trên một mạng lưới.
 - + 10 nhóm mạng độc lập, cấu hình được thiết lập độc lập.
 - + Phạm vi: Khoảng cách kết nối giữa 2 thiết bị lên đến 300m
- Mã hóa: AES-128.
- Chứng nhận: FCC Part 15, IC, CE/RED, hoặc tương đương**



- Tự kết nối và hình thành mạng lưới.
- Phạm vi giao tiếp rộng lên đến 300 m.
- Hiển thị cảnh báo và dữ liệu đến những máy trong nhóm kết nối.

DSX™

Với Bộ Hiệu Chuẩn DSX™, máy phát hiện khí được bảo trì bảo dưỡng dễ dàng, đảm bảo người sử dụng luôn an toàn trong những môi trường nguy hiểm.

- Đảm bảo máy phát hiện khí luôn trong chế độ sẵn sàng sử dụng mỗi ngày, mỗi ca làm việc, mà không cần trải qua những công đoạn bảo dưỡng phức tạp.
- Với chế độ theo dõi lưu lượng chai khí hiệu chuẩn, đảm bảo chai khí ở điều kiện hoạt động tốt. Qua đó hạn chế những tình huống hết khí hiệu chuẩn ngoài mong muốn.
- Quản lý hiệu quả đội nhóm, dữ liệu và phần mềm được cập nhật từ thiết bị có kết nối mạng.



Đặc Tính Kỹ Thuật

Đặc Tính Cơ Học

Bảo Hành:

- Bảo hành 1 năm:
- + DSX: Kết nối mạng độc lập (Standalone)
- + DSX-L: Hệ thống nội bộ (Local Server)
- Bảo hành phần mềm trọn đời-DSXi: Kết nối điện toàn đám mây (Cloud-connected).

Thiết Bị Được Tương Thích:

- GasBadge Pro, MX6 iBrid, Tango TX1, Ventis MX4, Ventis Pro Series, SafeCore.

Kích Thước:

- GasBadge Pro, Tango TX1: 22.7 x 16.9 x 27.3 cm .
- Ventis MX4, Ventis Pro Series: 24.9 x 16.9 x 27.3 cm.
- MX6 iBrid: 25.3 x 16.9 x 27.3 cm .
- SafeCore: 27.3 x 16.9 x 29.2 cm .

Màn Hình Hiển Thị:

- 128 x 64 đa điểm.

Cổng Lấy Khí:

- Phiên bản 3 cổng: 1 cổng sử dụng không khí sạch, 2 cổng sử dụng khí hiệu chuẩn.
- Phiên bản 6 cổng: 1 cổng sử dụng không khí sạch, 5 cổng sử dụng khí hiệu chuẩn.

Tốc Độ Bơm Khí:

- 1.2 SCFH (550 mL/phút).

Cổng Giao Tiếp:

- Hỗ trợ 10 / 100 Ethernet, Kết nối RJ-45 Category .5.

Chế Độ Đa Ngôn Ngữ:

- Anh, Tây Ban Nha, Pháp, Đức và Bồ Đào Nha.

Đặc Tính Vận Hành

Nhiệt Độ Làm Việc:

- 0 °C đến 50 °C

Độ Ẩm Làm Việc:

- Độ ẩm (RH) từ 0% đến 80% tại điều kiện nhiệt độ lên đến 30 °C, giảm dần đến 50% RH tại điều kiện nhiệt độ lên đến 50 °C

Nguồn Điện Sử Dụng:

- Nguồn điện: 100-240 VAC / 12 VDC.
- Tần số: 50-60 Hz.
- Cường độ dòng điện: 5A.



Bơm Trượt Ventis

Bơm trượt Ventis phù hợp đối với người sử dụng được trang bị máy phát hiện khí sử dụng trong mục đích bảo vệ cá nhân nhưng thỉnh thoảng yêu cầu bơm hút lấy mẫu khí cho những tình huống sử dụng đi vào không gian hạn chế. Bơm trượt Ventis có 2 màu: đen hoặc cam an toàn, phù hợp sử dụng với máy phát hiện khí Ventis MX4 và thế hệ Ventis Pro.

- Lấy mẫu tiện dụng - Khoảng cách lấy mẫu khí lên đến 50 feet đáp ứng nhu cầu lấy mẫu khí tiện dụng trong nhiều ứng dụng khác nhau.
- Dễ lắp đặt - Tháo lắp dễ dàng khi sử dụng với máy phát hiện khí mà không cần sử dụng bất kỳ dụng cụ nào khác.
- Sử dụng pin và sạc cùng với máy phát hiện khí Ventis - Máy phát hiện khí và bơm sử dụng cùng loại pin và có thể dễ dàng thay đổi giữa những thiết bị.
- Lựa chọn pin linh hoạt - Có 3 lựa chọn pin vì vậy phù hợp sử dụng linh hoạt trong nhiều tình huống khác nhau.

Đặc Tính Kỹ Thuật

Bảo Hành:

- 1 năm, không bao gồm những vật dụng tiêu hao, (ví dụ: đầu lọc).

Vật Liệu Vỏ Máy:

- Polycarbonate với lớp cao su bảo vệ.

Khả Năng Lấy Mẫu Khí:

- Lên đến 15.2 m.

Nhiệt Độ Làm Việc:

- -20°C đến 50°C.

Độ Ẩm Làm Việc:

- 15%-95% không ngưng tụ (liên tục).

Pin:

- Pin sạc Lithium-ion - 18 giờ @ 20°C.
- Pin sạc Lithium-ion mở rộng - 36 giờ @ 20°C.
- Pin Alkaline có thể thay thế - 10 giờ @ 20°C.

Cảnh Báo Bơm Lỗi:

- Đèn LEDs siêu sáng.
- Cảnh báo âm thanh lớn (90 dB tại 30 cm).

Chỉ Số Bảo Vệ:

- IP67.

Trọng Lượng:

- 270 g với phiên bản pin Lithium-ion.
- 316 g với phiên bản pin Lithium-ion mở rộng.
- 284 g với phiên bản sử dụng pin Alkaline.

Kích Thước:

- 143 mm x 81 mm x 73 mm với phiên bản pin Alkaline.
- 143 mm x 81 mm x 68 mm với phiên bản pin Lithium-ion.
- 143 mm x 81 mm x 85 mm với phiên bản pin Lithium-ion mở rộng.

Chứng Nhận:

UL:	Class I, Division 1, Groups A B C D, T4 Class I, Zone 0, AEx ia IIC T4 Ga Class II, Group F G (Carbonaceous và Grain Dust)
CSA:	Class I, Division 1, Group A B C D, T4 Ex ia IIC T4
ATEX:	Ex ia I Ma and Ex ia IIC T4 Ga; Equipment Group and Category: I M1 và II 1G
IECEX:	Ex ia IIC T4 Ga
INMETRO:	Ex ia IIC T4 Ga; IP66; IP67
GOST- EAC:	0 Ex ia IIC X T4 PO Ex ia I X



Nền tảng iNet®

Theo dõi trực tuyến với tính năng quản lý phát hiện khí, cảnh báo theo thời gian thực, báo cáo lịch sử sự kiện, hoặc thay thế thiết bị một cách tự động, nền tảng iNet® giúp người lao động an toàn hơn và làm việc hiệu quả hơn.

iNet® Control là giải pháp giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro bằng cách cung cấp những thông tin quan trọng, đồng thời kiểm soát toàn bộ thiết bị, dữ liệu cũng như hành vi của người lao động.

- Rút ngắn thời gian cập nhật thông tin thiết bị phát hiện khí bằng cách quản lý mọi thứ một cách dễ dàng từ cấu hình, cập nhật phần mềm, hiệu chuẩn máy đo khí trên một bảng điều khiển.
- Truy cập tất cả dữ liệu lịch sử cảnh báo và phát hành báo cáo hoặc chứng nhận hiệu chuẩn mọi lúc mọi nơi.
- Quản lý an toàn của người lao động cũng như khu vực làm việc bằng cách theo dõi dữ liệu thiết bị.
- Giảm thiểu rủi ro cho người lao động và khu vực làm việc bằng cách nhận biết và can thiệp khi quy trình làm việc không được tuân thủ.
- Đối với bộ hiệu chuẩn DSXi, iNet Control đã được bao gồm.

RGX®

GATEWAY

RGX® Gateway cho phép truyền dữ liệu vị trí, chỉ số khí và cảnh báo theo thời gian thực từ mọi nơi, bao gồm những khu vực độc hại, do đó nhân sự quản lý có thể phản ứng nhanh hơn và cải thiện sự hiệu quả trong công việc. RGX Gateway phù hợp sử dụng cho các công việc kéo dài hàng giờ, những sự cố kéo dài nhiều ngày và những dự án kéo dài hàng tuần.

- Tiếp nhận dữ liệu cảnh báo và vị trí theo thời gian thực từ máy phát hiện khí cá nhân và máy theo dõi khí khu vực.
- Giám sát khu vực độc hại và thu thập dữ liệu trong không gian hạn chế theo thời gian thực.
- Mở máy và hoạt động chỉ trong vài phút không cần đầu tư chi phí vào cơ sở hạ tầng IT.
- Tương thích với kết nối không dây LENS - cho phép kết nối với máy phát hiện khí Ventis Pro5 và máy theo dõi khí khu vực Radius BZ1.
- Thời gian hoạt động liên tục lên đến 168 giờ.
- Tùy chọn kết nối di động, WIFI, cáp.
- Cập nhật phần mềm và cấu hình tự động không cần phải lấy thiết bị ra khỏi khu vực làm việc.

iASSIGN®

BEACON AND TAGS

Assign® Beacons và Tags cho phép thu thập dữ liệu cơ bản từ máy phát hiện khí, qua đó nắm bắt nhân sự sử dụng thiết bị và khu vực nhân sự đó làm việc.

Sử dụng Assign® Tags đã được lập trình sẵn, người sử dụng có thể cài đặt thông tin họ tên vào thiết bị bằng cách chạm thiết bị vào Assign® Tags.

Ngay sau đó, tất cả dữ liệu được lưu trữ trong thiết bị sẽ được gắn tên với tên người sử dụng. Điều này cho phép người lao động sử dụng những máy phát hiện khí khác mỗi ngày trong khi vẫn có thể ghi nhận người sử dụng thiết bị một cách rõ ràng khi thiết bị có cảnh báo. Khi người lao động (và thiết bị được gắn tên) đi vào khu vực được lắp đặt iAssign® Beacon, lập tức thiết bị sẽ được cập nhật thông tin vị trí.

iAssign® Beacon cũng có thể thiết lập chế độ cấp phép, cho phép gửi cảnh báo tự động đến người lao động khi đi vào những khu vực không được phép.

- Xác định vị trí khu vực làm việc có vấn đề.
- Cảnh báo người lao động không đi vào khu vực không cho phép.
- Quản lý thông tin người lao động mà không cần những thiết bị riêng biệt, biển báo phụ hoặc những biện pháp rào cản vật lý.
- iAssign Beacon có thể được sử dụng trong nhà cũng như ngoài trời, và có thể bao phủ khu vực từ 1 đến 30 mét.

Thông Số Kỹ Thuật Assign® Tags

Công Nghệ
Near Field Communication (NFC)

Phương thức lập trình
Ứng dụng iAssign có sẵn trong cửa hàng Google Play

Ứng Dụng
Thẻ iAssign dùng để theo dõi người sử dụng và vị trí làm việc



Phần mềm theo dõi trực tuyến **iNet® Now** cung cấp thông tin về sự an toàn của người lao động và khu vực làm việc theo thời gian thực, qua đó nhân sự quản lý có thể chủ động giải quyết những mối nguy tiềm ẩn và phản ứng nhanh chóng trong trường hợp khẩn cấp.

- Phản ứng nhanh chóng và hiệu quả trong trường hợp khẩn cấp với báo động theo thời gian thực, qua đó cho biết nhân sự nào đang bị nguy hiểm, khu vực làm việc ở đâu và những nguy hiểm đối mặt là gì.
- Cập nhật thông tin theo thời gian thực những gì xảy ra trong khu vực làm việc trong qua việc giám sát từ xa.
- Cải thiện sự an toàn và hiệu quả trong khu vực làm việc bằng cách đưa ra những quyết định dựa trên những thông tin chi tiết, mà không mang tính bản năng.



Thông Số Kỹ Thuật Assign® Tags



Mã Số (Gói 10 cái)	18109417	18109418	18109419	18109420
Độ Dày	0.7 mm	1.5 mm	3 mm	4 mm
Mặt Dán	Có	Có	Không	Không



LENS™ Wireless là giải pháp phát hiện khí đầu tiên cho phép máy phát hiện khí cá nhân và máy phát hiện khí khu vực chia sẻ chỉ số đọc khí và cảnh báo đến một máy khác. Khi hiện diện khí nguy hiểm, man-down, hoặc những tình huống hoảng loạn, máy sẽ cảnh báo, tất cả các máy trong nhóm kết nối sẽ ngay lập tức được thông báo về mỗi nguy hiểm và người lao động đang bị đặt trong tình huống nguy hiểm. Khi đó, người lao động có thể dựa vào sự giúp đỡ từ những đồng nghiệp xung quanh, thay vì chờ sự giúp đỡ từ trung tâm điều khiển.

- Chia sẻ chỉ số đọc và cảnh báo giữa máy phát hiện khí thể hệ Ventis Pro và Radius BZ1.
- Vận hành tuyệt vời mà không cần khảo sát khu vực làm việc, cài đặt IT, chứng chỉ, hoặc yêu cầu về cơ sở hạ tầng.
- Nhận diện các loại cảnh báo trong thời gian thật, cho phép thực hiện những phản ứng nhanh hơn, chính xác hơn.
- Quan sát chỉ số đọc khí từ những máy khác trong nhóm máy mà không cần bộ điều khiển trung tâm.
- Nhận chỉ số đọc cách xa lên đến 1.5 km (# 1 dặm) với kết nối chuyển tiếp không dây giữa các máy.
- Kích hoạt cảnh báo hoảng loạn trên máy cá nhân nhằm thông báo cho tất cả các máy trong nhóm đối với những trường hợp khẩn cấp.
- Phụ thuộc vào cách sắp xếp hệ thống mạng lưới để luôn luôn ở trong tình trạng kết nối, ngay cả khi nếu có một thiết bị ngắt kết nối.



Thời gian trung bình thực hiện triển khai 25 thiết bị kết nối không dây LENS (Kết nối 25 thiết bị vào 1 nhóm)

2 phút

Thời gian trung bình thực hiện triển khai những giải pháp kết nối không dây khác (Thiết bị, IT, và thiết lập hệ thống điều khiển trung tâm)

2 tiếng – 2 ngày

Máy Phát Hiện Khí với Kết Nối An Toàn

Với máy phát hiện khí cá nhân Ventis Pro5 và máy theo dõi khí khu vực Radius BZ1, người sử dụng có thể linh hoạt chọn lựa giải pháp kết nối đội nhóm theo mong muốn. Cho dù muốn chia sẻ cảnh báo từ thiết bị phát hiện khí cá nhân đến thiết bị theo dõi khí khu vực, hoặc theo dõi trực tuyến từ xa, thiết bị của chúng tôi sẽ hỗ trợ đơn vị thực hiện nhu cầu kết nối mong muốn

Phát Hiện Khí Cá Nhân và Phát Hiện Khí Khu Vực

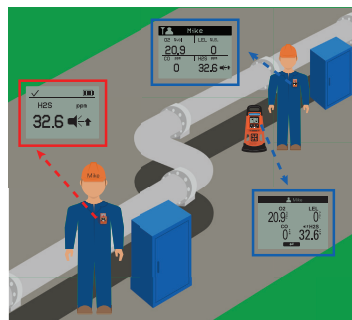
Máy phát hiện khí Ventis Pro5 và Radius BZ1 và chia khóa bảo vệ người lao động từ trước mỗi nguy không thể nhìn thấy.



Cho phép kết nối máy phát hiện khí cá nhân với máy phát hiện khí khu vực trong khu vực làm việc.

Sự An Toàn Của Lực Lượng Lao Động và Khu Vực Làm Việc

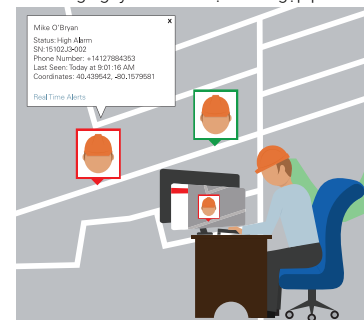
Cung cấp cho người lao động những thông tin xung quanh bằng cách chia sẻ cảnh báo và thông báo giữa các máy phát hiện khí.



Khi máy phát hiện khí của Mike xuất hiện cảnh báo, ngay lập tức thông tin sẽ được chuyển đến tất cả máy trong nhóm kết nối.

Quản Lý An Toàn và Hiệu quả

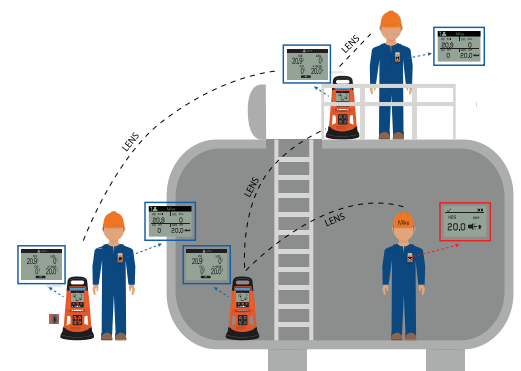
Thu thập dữ liệu trong mọi tình huống và cải thiện khả năng quản lý an toàn thông qua việc nắm bắt khu vực người lao động đang làm việc và những nguy hiểm mà họ có thể gặp phải.



Với iNet® Now, nhân sự quản lý an toàn hoàn toàn có thể nắm được thông tin Mike đang có sự cố theo thời gian thực.

THIẾT BỊ GIAO TIẾP VỚI NHAU THÔNG QUA KẾT NỐI KHÔNG DÂY

Kết nối không dây LENS, được phát triển độc quyền, giúp chia sẻ thông tin khí độc hại tiếp xúc, những sự cố và trường hợp người lao động bị bất tỉnh, thông qua mạng lưới chia sẻ thông tin giữa các thiết bị. Không cần thiết lập trung tâm điều khiển hoặc thực hiện những cài đặt phức tạp. Chỉ cần mở máy và kết nối



Tiger XT

Phát hiện nhanh và chính xác hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOCs) trong những môi trường khắc nghiệt nhất. Công nghệ phát hiện quang hóa ion (PID) của Tiger XT đã được thẩm định độc lập có hiệu suất tốt nhất trên thị trường về những khía cạnh như tốc độ, độ chính xác, khả năng kháng ẩm và ô nhiễm, nhờ vào công nghệ Fence Electrode được cấp bằng sáng chế. Công nghệ Fence Electrode và thiết kế chống nhiễm bẩn đảm bảo hiệu suất tối ưu trong môi trường không khí ẩm ướt và có nồng độ ô nhiễm cao, qua đó gia tăng thời gian sử dụng.

Tiger XT là máy phát hiện khí VOC cầm tay tiên tiến nhất thị trường với phạm vi đo siêu rộng, khả năng phát hiện khí chính xác từ 1 phần tỷ (ppb) lên đến 20.000 phần triệu (ppm). Tiger có thời gian phản ứng nhanh nhất thị trường với chỉ 2 giây. Máy phát hiện khí VOC cầm tay Tiger XT có thể phát hiện hơn 750 hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOCs) và những hợp chất độc hại!



Đặc Tính Kỹ Thuật

Độ Nhạy Tối Thiểu	10.6 eV: 1 ppb hoặc 0.001 mg/m ³ 11.7 eV: 0.6 ppm (600 ppb)
Chỉ Số Đọc Tối Đa (Phạm Vi)	10.6 eV: 1 ppb lên đến 20,000 ppm 11.7eV: 9,000 ppm
Thời Gian Phản Ứng T90 (Giây)	10.6 eV: T90 < 2 giây 11.7eV: <6 giây
Độ Chính Xác	10.6 eV: ±5% hoặc ± 1 kí tự 11.7 eV: ±12% chỉ số hiển thị
Tuổi Thọ Pin	Li-ion: Thời gian hoạt động lên đến 24 giờ Thời gian sạc pin: Khoảng 8 giờ Alkaline: 3 x AA, thời gian sử dụng khoảng 8.5 giờ
Hiệu Chuẩn	Hiệu chuẩn 2 và 3 điểm (thông qua bộ hiệu chuẩn)
Cảnh Báo	Nhấp nháy đèn LED màu vàng cam (cảnh báo thấp), màu đỏ (cảnh báo cao) Cảnh báo âm thanh 95 dBA tại khoảng cách 300 mm (12") Rung khi có cảnh báo Cảnh báo TWA và STEL đã được cài đặt sẵn*
Lưu Trữ Dữ Liệu	120,000 dữ liệu bảo gồm thông tin ngày giờ
Bóng Đèn	Bóng đèn 10.6 eV Krypton PID (tiêu chuẩn.) Tùy chọn bóng đèn 10.0 eV và 11.7 eV
Cổng Giao Tiếp	Cổng kết nối trực tiếp USB 1.1
Công Suất Bơm Hút	≥ 220 ml/phút (Trang bị tính năng cảnh báo tắc nghẽn khí)
Nhiệt Độ & Độ Ẩm	10.6 eV: -20°C đến +60°C, 11.7 eV: 0°C đến +60°C Độ ẩm: 0-99% RH (không ngưng tụ)
Kích Thước & Trọng lượng	Chiều rộng: 91 x Chiều cao: 370 x Chiều sâu: 60 mm 870g
Chỉ Số Bảo Vệ	Được thiết kế theo IP65 EMC thử nghiệm theo EN61326-1:2013 & EN50270:2015 & CFR 47:2008 Class A
Chứng Nhận	II 1G Ex ia IIC T4 Ga Tamb = - 15°C ≤ Ta ≤ +45 °C (Khi sử dụng với pin lithium ion) Tamb = - 15 °C ≤ Ta ≤ +40 °C (Khi sử dụng với pin alkaline) ITS-I22ATEX35111X IECEx ITS 22.0025X ITS22UKEX0635X 3193491 conforms to UL Std. 913, 61010-1 Certified to CAN/CSA Std. C22.2 No. 61010-1 Class 1 Division 1. Approval for Groups A, B, C & D, T4

Tiger XTL

Máy phát hiện hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) giá thành thấp với độ chính xác có tính tin cậy nhất thị trường. Tiger XTL là máy phát hiện khí VOC cơ bản, chi phí thấp, nhưng được trang bị đầy đủ tất cả những chức năng cần thiết sử dụng phát hiện hợp chất khí hữu cơ dễ bay hơi (VOCs). Sản phẩm có chi phí vận hành thấp nhất thị trường với đầu lọc, bóng đèn, phụ kiện sử dụng 1 lần giá thành thấp. Đây là biến thể của máy phát hiện khí VOC Tiger XT rất phổ biến trên thị trường, với giá thành thấp nhưng hiệu suất cao. Công nghệ cảm biến PID được cấp bằng sáng chế với thiết kế kháng và chống nhiễm bẩn cho độ chính xác và thời gian sử dụng hàng đầu thị trường. Thời lượng sử dụng pin lên đến 24 giờ, những tính năng này giúp tối ưu hóa thời gian sử dụng bằng cách giảm thiểu chỉ số đọc sai trong môi trường có độ ẩm cao và điều kiện khắc nghiệt.

Máy phát hiện khí VOC cầm tay Tiger XTL được chứng nhận bởi ETL (Phòng thí nghiệm thử nghiệm điện), KGS (An toàn khí Hàn Quốc), IECEx (Hệ thống chứng nhận tiêu chuẩn liên quan đến những thiết bị sử dụng trong môi trường cháy nổ). Bên cạnh đó, sản phẩm được chứng nhận ATEX, điều này có nghĩa sản phẩm rất an toàn.



Đặc Tính Kỹ Thuật

Giá Số Tối Thiểu	0.1 ppm
Chỉ Số Đọc Tối Đa	5,000 ppm
Thời Gian Phản Ứng	T90 < 2 giây
Độ Chính Xác	± 5% Chỉ số đọc hiện thị hoặc ± 1 kí tự số
Sai Số Tuyến Tính	5% chỉ số đọc hiện thị hoặc ± 1 kí tự số
Lưu Trữ Dữ Liệu	Nhấn để lưu, 128 khu vực, 80,000 điểm dữ liệu
Hiệu Chuẩn	Hiệu chuẩn tiêu chuẩn với khí isobutylene 100 ppm isobutylene Khả năng hiệu chuẩn tùy chỉnh
Cảnh Báo	Nhấp nháy đèn LED và âm thanh 95 dBA tại khoảng cách 300mm (12") Cảnh báo rung có thể chọn
Công Suất Bơm Hút	≥ 220 ml/phút (Trang bị tính năng cảnh báo tắc nghẽn khí)
Tuổi Thọ Pin	Li-ion: Thời gian sử dụng liên tục lên đến 24 giờ
Bóng Đèn	Bóng đèn 10.6 eV Krypton PID (tiêu chuẩn)
Nhiệt Độ & Độ Ẩm	Hoạt động: -20°C đến 60°C Độ ẩm: 0-99% RH (không ngưng tụ)
Trọng Lượng & Kích Thước	Chiều rộng: 91 x Chiều cao: 370 x Chiều sâu: 60 mm 870g
Chỉ Số Bảo Vệ	Được thiết kế theo IP65 CE 1180 EMC thử nghiệm theo EN61326-1:2013 & EN50270:2015 & CFR 47:2008 Class A
Chứng Nhận	II 1G Ex ia IIC T4 Ga Tamb = - 15 0C ≤ Ta ≤ +45 0C (khi sử dụng với pin lithium ion) Tamb = - 15 0C ≤ Ta ≤ +40 0C (khi sử dụng với pin alkaline) ITS-I22ATEX35111X IECEx ITS 22.0025X ITS22UKEX0635X 3193491 conforms to UL Std. 913, 61010-1 Chứng nhận CAN/CSA Std. C22.2 No. 61010-1

Tiger XT Select

Phát hiện nhanh chóng Benzene và hợp chất thơm (TACs), cung cấp dữ liệu có tính tin cậy và chính xác nhất Bằng cách sử dụng bóng đèn 10.0 eV công suất cao, máy phát hiện khí benzene cầm tay Tiger XT Select (XTS) có khả năng phát hiện hợp chất thơm (TACs) bao gồm Benzene, Toluene và Acetone. Thiết bị được cung cấp kèm với 1 hộp ống lọc benzene để sử dụng phát hiện duy nhất khí benzene. Ống lọc có thể được lắp đặt một cách dễ dàng, qua đó đảm bảo phát hiện nhanh chóng và đo lường khí benzene. Trong suốt quá trình đo lường, máy phát hiện benzene Tiger XT Select liên tục hiển thị dữ liệu theo thời gian thực. Tiger XT Select cũng có thể cung cấp chỉ số STELs và TWAs đối với hợp chất thơm (TACs)

Máy phát hiện khí benzene cầm tay Tiger XT Select có thể được sử dụng với chế độ vận hành tiêu chuẩn mà không cần sử dụng ống lọc benzene nhằm sử dụng phát hiện hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOCs)



Đặc Tính Kỹ Thuật

Độ Nhạy Tối Thiểu (Phiên Bản PPM)	Chế độ tiêu chuẩn: 0.1 ppm Chế độ TAC: 0.01 ppm Chế độ sử dụng ống lọc 0.01 ppm (gia số 0.001 ppm)
Độ Nhạy Tối Thiểu (Phiên Bản PPB)	Chế độ tiêu chuẩn: 0.001 ppm Chế độ TAC: 0.001 ppm Chế độ sử dụng ống lọc: 0.01 ppm (gia số 0.001 ppm)
Chỉ Số Đọc Tối Đa	Chế độ tiêu chuẩn lên đến 20,000 ppm hoặc 20,000 mg/m ³ Chế độ sử dụng ống lọc 200 ppm hoặc 639 mg/m ³ benzene
Thời Gian Phản Ứng	130 giây tại 20 °C (có thể tùy biến) Chỉ số đọc benzene được hiển thị theo thời gian thực
Độ Chính Xác	± 10% Chỉ số hiển thị ± 1 kí tự số
Độ Tuyến Tính	± 5% chỉ số hiển thị ± 1 đơn vị benzene
Tuổi Thọ Pin	Li-ion: Thời gian sử dụng lên đến 24 giờ, thời gian sạc 8 giờ Alkaline: 3 x AA, thời gian sử dụng khoảng 8.5 giờ
Cảnh Báo	Nhấp nháy đèn LEDs màu vàng cam (cảnh báo thấp) màu đỏ (cảnh báo cao) Cảnh báo âm thanh 95 dBA tại khoảng cách 300 mm (12") Rung khi cảnh báo Chỉ số TWA và STEL được cài đặt sẵn*
Lưu Trữ Dữ Liệu	120,000 điểm dữ liệu bao gồm thông tin ngày giờ
Bóng Đèn	Bóng đèn 10.0 eV Krypton PID
Cổng Giao Tiếp	Kết nối trực tiếp với cổng USB 1.1
Công Suất Bơm Hút	220 ml/phí (trang bị cảnh báo tắc nghẽn khí)
Nhiệt Độ & Độ Ẩm	Hoạt động: -20°C đến 60°C Độ ẩm: 0-99% RH (không ngưng tụ)
Kích thước & Trọng lượng	Chiều rộng: 91 x Chiều cao: 370 x Chiều sâu: 60 mm 870g
Hiệu Chuẩn	Hiệu chuẩn 2 và 3 điểm (Thông qua bộ hiệu chuẩn)
Chỉ Số Bảo Vệ	Thiết kế theo IP65 (mưa nặng hạt); CE1180 EMC thử nghiệm theo EN61326-1:2013 & EN50270:2015 & CFR 47:2008 Class A
Tiêu Chuẩn An toàn	II 1G Ex ia IIC T4 Ga Tamb = - 15 oC ≤ Ta ≤ +45 oC (khi sử dụng với pin lithium ion) Tamb = - 15 oC ≤ Ta ≤ +40 oC (khi sử dụng với pin alkaline) ITS-I22ATEX35111X IECEX ITS 22.0025X ITS22UKEX0635X 3193491 conforms to UL Std. 913, 61010-1 Chứng nhận theo CAN/CSA std. C22.2 No. 61010-1 Class 1 Division 1. Approval for Groups A, B, C & D, T4

MVI

Máy phát hiện hơi thủy ngân MVI sử dụng công nghệ hấp thụ tia UV kép, điều đó đồng nghĩa với việc máy phát hiện hơi thủy ngân cầm tay không xảy ra tình trạng bão hòa hoặc cần thời gian tái tạo giữa những lần đọc - giống như phương pháp phát hiện màng vàng truyền thống - hạn chế thời gian máy ngừng hoạt động. Nhanh chóng và chính xác, máy phát hiện hơi thủy ngân cầm tay cung cấp thông tin theo giờ gian thực và luôn sẵn sàng để sử dụng. MVI cung cấp chỉ số đọc liên tục và cung cấp 2 phạm vi dãy đo: 0.1 đến 199 và 1 đến 1999 microgram/m³.



Đặc Tính Kỹ Thuật

Cảm Biến	Mô-đun hấp thụ tia cực tím kép
Độ Chính Xác	± 5 micrograms hoặc ± 10% chỉ số đọc
Hoạt Động	Sau khi khởi động MVI cung cấp nồng độ hơi thủy ngân theo thời gian thực
Phạm Vi Đo	0.1 đến 199 và 1 đến 1999 microgram/m ³
Nguồn Điện	NiMH
Pin	NiMH – Sử dụng lên đến 5.5 giờ khi sạc đầy
Cảnh Báo	Cảnh báo âm thanh được cài đặt sẵn 20 microgram/m ³
Nhiệt Độ Làm Việc	10°C đến 50°C
Trọng Lượng & Kích Thước	3 kg, 145 x 295 x 80 mm
Khả Năng Lặp Lại	±35 % FSD @ 1 µg/m ³
Thời Gian Phản Ứng	3 giây

Cub VOC

Cub VOC là máy phát hiện khí VOC sử dụng công nghệ PID cho việc phát hiện nhanh chóng, chính xác hợp chất hữu cơ dễ bay hơi, đảm bảo người lao động luôn an toàn trong môi trường làm việc.



Đặc Tính Kỹ Thuật

Độ Nhạy	0.001 ppm hoặc 0.1 ppm (phụ thuộc vào từng loại phiên bản)
Phạm Vi Đo	0 ppm – 5,000 ppm
Thời Gian Phản Ứng	< 13 giây (T90)
Độ Chính Xác	± 5% chỉ số đọc ± 01 đơn vị
Màn Hình LCD	Đơn sắc
Pin	Thời gian sử dụng lên đến 16 giờ Thời gian sạc pin lên đến 4 giờ.
Hiệu Chuẩn	2 điểm hiệu chuẩn thông qua bộ Docking Station
Cảnh Báo	Đèn LED, âm thanh và rung Âm thanh 86 dB trong khoảng 300 m Cài đặt sẵn TWA, STEL Mức độ cảnh báo trên tất cả các phiên bản
Lưu Trữ Dữ Liệu	30,000 dữ liệu
Bóng Đèn	10.6 eV
Cổng Giao Tiếp	USB 2.0
Tốc Độ Lấy Khí	Không có bơm lấy mẫu khí
Nhiệt Độ & Độ Ẩm	Hoạt động: -20°C đến 55°C Xử lý độ ẩm: Công nghệ Fence Electrode
Trọng lượng & Kích thước	111 g 61 x 66 x 59 mm
Nâng Cấp	Có thể nâng cấp từ ppm qua ppb
Chỉ Số Bảo Vệ	Thiết kế theo IP65 (mưa nặng hạt)
Tùy Chọn Docking Station	Chỉ sạc Sạc và cổng giao tiếp USB Sạc, cổng giao tiếp USB và chức năng hiệu chuẩn
Tiêu Chuẩn An toàn	Châu Âu: ATEX: CE, Ex II 1G Ex ia IIC T4; -20°C ≤ Ta ≤ 55°C IECEX: Ex ia IIC T4 -20°C ≤ Ta ≤ 55°C Mỹ và Canada: Class I, II and III, Division I, Hazardous

Cub^{TAC}

Máy phát hiện khí VOC Cub^{TAC} sử dụng trong những ứng dụng phát hiện những hợp chất thơm (TACs), bao gồm Benzene, đảm bảo người lao động luôn an toàn trong môi trường làm việc.



Đặc Tính Kỹ Thuật

Độ Nhạy	0.01 ppm (tương đương với isobutylene) 0.002 mg/m ³ (tương đương với isobutylene)
Gia Số	0.01 ppm
Phạm Vi Đo	0 – 5,000 ppm
Thời Gian Phản Ứng	<13 giây (T90)
Độ Chính Xác	± 5% chỉ số đọc ± 1 đơn vị
Màn Hình LCD	Đơn sắc
Pin	Thời gian sử dụng lên đến 16 giờ Thời gian sạc 4 giờ
Hiệu Chuẩn	2 điểm hiệu chuẩn thông qua bộ Docking Station
Cảnh Báo	Đèn LED, âm thanh và rung Cảnh báo âm thanh 86 dB trong khoảng 300 m Cài đặt sẵn TWA, STEL Mức độ cảnh báo trên tất cả các phiên bản
Lưu Trữ Dữ Liệu	30,000 dữ liệu
Bóng Đèn	10.0 eV
Cổng Giao Tiếp	USB 2.0
Tốc Độ Lấy Khí	Không xác định (không có bơm lấy mẫu khí)
Nhiệt Độ & Độ Ẩm	Hoạt động: -20°C đến 50°C Xử lý độ ẩm: Công nghệ Fence Electrode
Trọng lượng & Kích thước	111g 61 x 66 x 59 mm
Nâng Cấp	Có thể nâng cấp từ ppm qua ppb
Chỉ Số Bảo Vệ	Thiết kế theo IP65 (mưa nặng hạt)
Tùy Chọn Docking Station	Chỉ sạc Sạc và cổng giao tiếp USB Sạc, cổng giao tiếp USB và chức năng hiệu chuẩn
Tiêu Chuẩn An toàn	Châu Âu: ATEX: CE, Ex II 1G, Ex ia IIC T4; -20°C ≤ Ta ≤ 55°C IECEX: Ex ia IIC T4 -20°C ≤ Ta ≤ 55°C Trung Quốc: Ex ia IIC T4 -20°C ≤ Ta ≤ 55°C Mỹ và Canada: Class I, II and III, Division I, Hazardous

Gascheck G

Máy phát rò rỉ khí helium cầm tay GasCheck đại diện cho công nghệ phát hiện khí tiên tiến nhất. Hệ thống dẫn nhiệt siêu nhỏ vô cùng tiên tiến cho phép cải thiện độ nhạy đáng kể nhằm phát hiện hiệu quả và nhanh chóng rò rỉ khí tới mức cc/giây, mg/m3 hoặc ppm

Được thiết kế với mục đích tìm kiếm và xác định vị trí rò rỉ khí, máy phát hiện rò rỉ khí helium cầm tay GasCheck cung cấp cho người sử dụng khả năng phát hiện khí hiệu quả với hầu hết các loại khí hoặc hỗn hợp khí. Chắc chắn và vô cùng tin cậy, máy phát hiện rò rỉ khí cầm tay cung cấp chỉ số đọc ổn định, không thay đổi đối với khí được phát hiện.



Đặc Tính Kỹ Thuật

Cảm Biến	Công nghệ cảm biến siêu dẫn nhiệt (MTCD) Cảm biến trang bị tính năng kháng ngộ độc với khả năng bảo vệ vượt ngưỡng đo
Độ Nhạy (cc/giây)	He 1x10 ⁻⁵ , CH ₄ 5x10 ⁻⁵ , R12 5x10 ⁻⁵ , Ar 1x10 ⁻⁴
Độ Chính Xác	± 5% chỉ số đọc ± 01 đơn vị
Thời Gian Phản Ứng	T90 = tăng trong 1 giây và xóa nhanh
Cảnh Báo	Đèn LED nhấp nháy và âm thanh 90 dBA (at 10 cm)
Ghi Chép Dữ Liệu	10 điểm dữ liệu (chỉ có sẵn trên G3)
Pin	Loại pin: 2 x Alkaline AA hoặc pin sạc NiMH Thời gian hoạt động khoảng 40 giờ
Tốc Độ Lấy Khí	2 cc/phút
Hiệu Chuẩn	Thực hiện bởi NSX tuân thủ theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008
Kích Thước & Trọng Lượng	Máy và ống lấy mẫu: 390 x 60 x 49 mm Hộp bảo quản: 420 x 320 x 97 mm 0.45 kg, đóng gói 1.6 kg
Nhiệt Độ & Độ Ẩm	Hoạt động: -20°C đến +60°C Lưu trữ: -20°C đến +70°C Độ ẩm: 0 đến 99% RH (không ngưng tụ)

	G1	G2	G3
Phát hiện rò rỉ nhanh chóng	•	•	•
Đo lường rò rỉ khí (khí đơn)		•	
Đo lường rò rỉ khí (lên đến 20 khí)			•
Cảnh báo âm thanh	•	•	•
Màn hình nền nhấp nháy	•	•	•
Giữ chỉ số đọc cao nhất		•	•
Hiệu chuẩn nhà máy hoặc tùy chỉnh		•	•
Lưu trữ dữ liệu (chứa lên đến 10 chỉ số đọc)			•
Chỉ số đọc hiển thị dưới dạng cc/sec, g/yr, ppm hoặc mg/m ³			•
Loại pin chọn lựa			•
Có thể nâng cấp	•	•	

* EMC kiểm định EN50081-1 & EN50082-1 vào tháng 7/1998

Gascheck Tesla

Máy phát hiện rò rỉ khí helium cầm tay GasCheck Tesla là máy phát hiện rò rỉ khí He có độ nhạy cao được thiết kế sử dụng hiệu quả trong môi trường từ trường cao được tìm thấy xung quanh máy chụp hình cộng hưởng (MRI). Máy chụp MRI hoạt động dựa trên Helium lỏng, vì vậy việc sử dụng máy phát hiện khí để tìm kiếm rò rỉ khí helium là rất quan trọng.

Máy phát hiện rò rỉ khí cầm tay GasCheck Tesla có thể được sử dụng ngay cả khi máy MRI đang hoạt động, điều này đồng nghĩa với việc tránh làm gián đoạn quá trình sử dụng máy. Rò rỉ Helium được phát hiện nhanh chóng giúp cắt giảm chi phí, tránh lãng phí khí và hạn chế thời gian máy ngừng hoạt động.



Đặc Tính Kỹ Thuật

Cảm Biến	Công nghệ cảm biến siêu dẫn nhiệt (MTCD) Cảm biến trang bị tính năng kháng ngộ độc với khả năng bảo vệ vượt ngưỡng đo
Độ Nhạy (cc/giây)	He 1x10 ⁻⁵
Độ Chính Xác	± 5% chỉ số đọc ± 01 đơn vị
Thời Gian Phản Ứng	T90 = tăng trong 1 giây và xóa nhanh
Cảnh Báo	Đèn LED nhấp nháy và âm thanh 90 dBA (trong khoảng cách 10 cm)
Pin	Loại pin: 4 x alkaline AA size hoặc NiMH (pin sạc) Tương đương 40 giờ sử dụng
Tốc Độ Lấy Khí	2 cc/phút
Hiệu Chuẩn	Thực hiện bởi NSX tuân thủ theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008
Kích Thước & Trọng Lượng	Máy và ống lấy mẫu: 390 x 60 x 49 mm Hộp bảo quản: 420 x 320 x 97 mm Máy: 0.45 kg. Đóng gói 1.6 kg
Nhiệt Độ & Độ Ẩm	Hoạt động: -20°C đến +60°C Lưu trữ: -20°C đến +70°C Độ ẩm: 0 đến 99% RH (không ngưng tụ)

SF6 Leakmate

Máy phát hiện rò rỉ khí SF6 cầm tay SF6 Leakmate là thiết bị hoàn hảo sử dụng phát hiện rò rỉ SF6 cơ động. Trong thực tế sử dụng, máy có ngưỡng phát hiện SF6 $1 \times 10E-6$ mbar l/s, điều này giúp máy phù hợp tuyệt vời với sử dụng phát hiện rò rỉ khí SF6 đơn giản trên thiết bị chuyển mạch SF6. Máy phát hiện rò rỉ SF6 cầm tay sử dụng bộ vi xử lý đơn giản và dễ sử dụng, tính năng cảnh báo âm thanh và hiển thị biểu đồ thanh đèn LED, cho phép ước tính nếu phát hiện được rò rỉ SF6 nhỏ, vừa và lớn.



Đặc Tính Kỹ Thuật

Cảm Biến	Ion hóa điện áp cao
Độ Nhạy	$1 \times 10E-6$ mbar 1,s for SF6
Màn Hình	8 vị trí đèn LED
Thời Gian Phản Ứng	Khoảng 1 giây
Âm Thanh	Cường độ âm thanh tương ứng với mức độ rò rỉ
Đầu Dò	Ống mềm dài 355 mm
Phạm vi nhiệt độ hoạt động	-20°C to +50°C
Trọng lượng & Kích thước	2.1 kg bao gồm phụ kiện 330 x 280 x 125 mm bao gồm đóng gói vận chuyển
Chỉ số EMC	Tuân thủ phù hợp với CE

SF6 LeakCheck P1:p

The SF6 LeakCheck P1:p là máy phát hiện rò rỉ khí SF6 từng đoạt giải thưởng, máy sử dụng công nghệ Negative Ion Capture (NIC) được thiết kế xác định vị trí, kiểm tra rò rỉ và phát hiện rò rỉ khí SF6 trong bộ chuyển mạch điện cao thế

Máy phát hiện rò rỉ khí SF6 có thể phát hiện nhanh chóng rò rỉ khí SF6 tại mức độ rò rỉ vô cùng nhỏ lên đến $1 \times 10-8$ ml/sec với tốc độ xóa nhanh dưới 1 giây. Máy phát hiện rò rỉ khí SF6 không bị ảnh hưởng khi tiếp xúc với những rò rỉ SF6 lớn và sẽ tiếp tục không bị nhiễm độc ngay cả khi tiếp xúc lên đến 100% khí SF6.



Đặc Tính Kỹ Thuật

Quy tắc đo lường	Negative Ion Capture (NIC): Không phóng xạ, không hạn chế di chuyển và không yêu cầu cấp phép
Độ nhạy	SF6 GasCheck p1 tiêu chuẩn và LeakCheck P1:p: $1 \times 10-7$ ml/sec, 1 ppm, 0.01 gm/yr SF6 Tùy chọn Highsense: $1 \times 10-8$ ml/sec, 0.1 ppm, 0.001 gm/yr SF6
Phản ứng	T90 = Hiển thị nhanh trong dưới 1 giây và xóa nhanh
Hoạt động	Pin a-xít chì, bên trong và được bảo vệ hoàn toàn Sạc pin trong phạm vi 85-265 AC V, 50/60 Hz
Cảnh báo	Âm thanh và đèn với tùy chọn cảnh báo tay cầm
Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường l/sec, gm/yr and ppm Phạm vi: Mỗi đơn vị 1 – 500 Độ chính xác: $\pm 5\%$ tỉ lệ rò rỉ hiện thị hoặc ± 2 digits Khả năng lặp lại: ± 1 digit
Hiệu chuẩn	Thông qua bộ hiệu chuẩn CalCheck
Sao chép dữ liệu	Hơn 500 điểm dữ liệu với ngày giờ cụ thể Tải dữ liệu thông qua RS232 đến máy tính
Nhiệt độ	Lưu trữ: - 10 to 60 °C (14 to 140 °F) Hoạt động; 0 – 50 °C (32 to 122 °F)
Trọng lượng & Kích thước	500 x 400 x 190 mm (19.7 x 15.7 x 7.5")
Tùy chọn Bộ hiệu chuẩn	Đóng gói: 520 x 430 x 10 mm (20.5 x 6.9 x 8.3") Vận Chuyển: 15 kg (33lbs)

SF6 AreaCheck P2

Máy phát hiện khí SF6 cố định sử dụng cổng ra rơ-le cho phép nhận biết ngay lập tức những rò rỉ được phát hiện và không có phản ứng chéo với bất kỳ khí nào khác hoặc độ ẩm trong không khí. Máy phát hiện khí SF6 được trang bị cảnh báo lưu lượng thấp và chức năng tự kiểm tra tự chuẩn đoán.



Đặc Tính Kỹ Thuật

Quy tắc phát hiện	SF6: NIC
Phạm vi đo	0 – 2000 ppm SF6
Gia số	500 ppm SF6 / 10 ppm
Nguồn điện	100 – 240 VAC, 50/60 Hz
Tiêu thụ điện	18 VA
Nhiệt độ hoạt động	- 5 to 45 °C
Nhiệt độ lưu trữ	- 20 to 60 °C
Phạm vi độ ẩm hoạt động	10 – 90 % non condensing
Cầu chì	T 1A (thời chậm)
Khả năng chịu tải tối đa	2.5 A / 230 VAC
Kích thước	H 280 x B 165 x T 125 mm
Chỉ số chống thấm nước	IP52
Cảnh báo âm thanh	> 75 dbA, 1m
Trọng lượng	1.5 kg

Falco

Falco là máy phát hiện khí ion quang hóa (PIDs) cố định thế hệ mới nhất, sử dụng phát hiện liên tục nhiều loại hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOCs).

Với công nghệ Typhoon đặc biệt tiên tiến bảo vệ cảm biến khỏi hơi ẩm ngưng tụ cho độ tin cậy tuyệt vời trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt. Ngoài ra Falco được tích hợp công nghệ Fence Electrode được cấp bằng sáng chế, loại bỏ những ảnh hưởng độ ẩm không khí.



Đặc Tính Kỹ Thuật

Cảm Biến	PID với bóng đèn 10.6 eV
Phạm Vi Phát Hiện Và Độ Nhạy	10.0 ppm - 0.001 ppm 50.0 ppm - 0.01 ppm 1,000 ppm - 0.1 ppm 3,000 ppm - 1 ppm
Thời Gian Phát Hiện	T90 <30 giây (khuếch tán)
Giao Diện Sử Dụng	Màn hình: OLED độ tương phản cao màu trắng trên màu đen Màn hình 128 x 64 pixels, kích thước 35 mm x 17.5 mm
Phím Bấm	5 nút bấm từ tính với sự xác nhận đèn LED (lên, xuống, trái, phải, xác nhận)
Chỉ Thị Trạng Thái	Hiển thị ánh sáng: đỏ, cam, xanh
Nguồn Điện Đầu Vào	Nguồn điện làm việc: 12 đến 40 VDC, công suất tối đa: 7 watts
Nguồn Điện Đầu Ra	4 đến 20 mA (chủ động và thụ động) RS485 hỗ trợ Modbus® Protocol Rò rỉ x 2 SPST (60 VDC 2A) – có thể cấu hình
Điểm Gắn Tường	2 x M8.
Đặc Điểm Môi Trường	Không bơm hút lấy mẫu khí: -40°C đến 60°C Có bơm hút lấy mẫu khí: -20°C đến 60°C 0-100% RH và độ ẩm ngưng tụ
Giao Diện Cơ Học	2 x điểm cắm dây cáp với dây 3/4" NPT (trái và phải) 2 x 3/4" NPT đến M20 thép không gỉ (cung cấp theo máy)
Cổng Giao Tiếp	Không bơm: Cao: 200 x Rộng: 190 x Dài: 125 mm Có bơm: Cao: 290 x Rộng: 190 x Dài: 125 mm
Tiêu Chuẩn	II 2G Ex d ib IIC T4 Gb ISO9001:2008

TVOC 2

Máy phát hiện khí VOC cố định có thể lựa chọn phạm vi đo 0 – 10 ppm, 0 – 100 ppm or 0 – 1000 ppm và phù hợp sử dụng trong công nghiệp sản xuất và chế biến, những nơi thường xuyên có sự hiện diện của khí VOCs. Với đầu ra tương ứng 4-20 mA, máy phát hiện khí VOC cố định có thể dễ dàng tích hợp vào hệ thống điều khiển phân tán (DCS) qua đó đưa ra những cảnh báo và cho phép kiểm soát mức độ VOC cao trong môi trường làm việc.



Đặc Tính Kỹ Thuật

Nguồn điện	5 – 28 VDC Max 130 mA
Cổng giao tiếp	4-20 mA yêu cầu nguồn điện 8-35 VDC Đối với IS yêu cầu nguồn điện 8-30 VDC
Lấy mẫu	Khuếch tán (có thể lắp đặt bơm hút lấy mẫu khí với phụ kiện kết nối)
Màn hình	7 phân đoạn, màn LCD 4 số, đèn LEDs 4 màu
Phản ứng	Cảm biến – T90 < 5 giây
Độ chính xác	0 đến 100 ppm: ± 5 % điểm hiệu chuẩn 100 đến 1000 ppm: ± 10 % điểm hiệu chuẩn
Hiệu chuẩn	Accessed via magnetic switch 100 ppm isobutylene via calibration kit accessory
Nhiệt độ	Hoạt động: – 20 đến 50 °C (- 4 đến 122 °F) Độ ẩm: 0-95% RH (Không ngưng tụ)
Trọng lượng & kích thước	Trọng lượng: 1.4 kg (3.1 lb) Packed: 1.6 kg (3.5 lb) Kích thước: 188 x 126 x 78 mm (7.4 x 4.9 x 3")
Cấp độ cảnh báo 4 – 20 mA	Có thể chọn 2 mA & 3.5 mA
Bảo vệ chống thấm nước	Thiết kế đáp ứng IP65 Cảm biến IP54
Chứng nhận	II 2G Ex ia IIC T4 Gb (-20 °C ≤ Ta ≤ +50 °C) II 3G Ex nA IIC T4 (-40 °C ≤ Ta ≤ +50 °C) Baseefa05ATEX0277X IECEX BAS 06.0057X

Titan

Máy phát hiện khí benzene cố định gắn tường với dây đo đa dạng hoặc 0 – 20 ppm với độ nhạy 0.1 ppm với benzene. Máy phát hiện khí benzene cố định lấy mẫu khí từ môi trường mỗi phút một lần và với trong vòng chỉ 60 giây cho kết quả đo lường chỉ số benzene chính xác. Máy phát hiện khí benzene cố định Titan cung cấp hệ thống cảnh báo ngay lập tức với 2 cấp độ cấu hình vận hành, đảm bảo người lao động được bảo vệ và an toàn theo tiêu chuẩn cần thiết trong môi trường làm việc.



Đặc Tính Kỹ Thuật

Loại cảm biến	PID, bóng đèn 10.6 eV với đầu lọc phù hợp
Khả năng chọn lọc	Benzene trong lĩnh vực hóa dầu
Phạm vi đo	0 – 20 ppm
Tần suất đo	Mỗi một phút
Ngưỡng phát hiện	0.1 ppm
Độ chính xác	± 0.1 ppm hoặc ± 10 %, tùy vào giá trị nào lớn hơn
Nhiệt độ ổn định	Cơ chế sưởi bên trong
Màn hình hiển thị	Graphical BW LCD 64 x 128 pixels trang bị đèn nền Đèn LEDs tương ứng với cảnh báo, lỗi và hoạt động bình thường 2 công tắc từ để vận hành thanh điều khiển
Tốc Độ Lấy Khí:	≥ 160 ml/phút
Chỉ số chống thấm nước	Thiết kế đáp ứng IP65 (Phụ thuộc vào cáp kết nối)
Độ ẩm	0 – 100 % RH
Thời gian bảo dưỡng định kỳ	6 tháng đối với đầu lọc 01 năm đối với bóng đèn
Dây cáp kết nối	2 dây 3/4 NPT .
Nguồn điện	Vin (tối đa) 32 V DC @ 2.4 A. Vin (thông thường) 24 V DC @ 3.2 A (được khuyến cáo) Vin (tối thiểu) 19 V DC @ 4.0 A.
Cổng giao tiếp	Đầu ra chuyên biệt 4-20 mA RS 485 Modbus. USB khi tháo nắp đậy và phần mềm máy tính
Lưu Trữ Dữ Liệu:	Trên mạch MMC, tối thiểu 6 tháng.
Công Suất Rò Le:	2 đầu ra tách biệt, không điện thế, 24 V DC @ 1.25 A tối đa.
Trọng lượng & kích thước	15 kg (33 lb) 219 x 219 x 17 mm (xấp xỉ 8.6 x 8.6 x 6.8 ")
Ổng Lấy Mẫu Khí	Chiều dài tối đa 10 m, PTFE, 6 mm OD, 4 mm ID.
Chứng nhận	II 2G Ex d II B+H2 T4 Gb Tamb. = -20 oC to +55 oC IECEX FTZU 140030X ATEX, EMC Conforms to UL 61010-1, UL 60079-0, UL 60079-1 Certified to CAN/CSA-C22.2

GasTec

Ống phát hiện khí Gastec hiển thị nồng độ trực tiếp bằng cách dựa trên thước đo chuẩn được in trên ống. Dụng cụ phát hiện khí chất lượng cao nhằm sử dụng phân tích khí/hơi trong không khí, cũng như nồng độ ô nhiễm trong đất và nước thông qua những phát triển và nghiên cứu hiện đại nhất.



1
Bề 2 phần đầu ống phát hiện khí. Bơm cầm tay phải được đảm bảo đã được đẩy hết vào bên trong. Sau đó lắp ống phát hiện khí vào phần đầu cao su được đánh dấu G ► của bơm lấy mẫu khí.



2
Căn chỉnh các vị trí đánh dấu hướng dẫn trên trục bơm màu đỏ (▲) 100 hoặc 50 ml, và kéo tay cầm đến khi bị khóa. Đợi đến khi thời gian lấy mẫu trôi qua và dễ dàng quan sát chỉ thị kết thúc lưu lượng khí (phần trắng xuất hiện khi lưu lượng quy định đã được rút ra hoàn toàn), người sử dụng chắc chắn việc lấy mẫu khí đã hoàn tất.



3
Màu sắc trên ống lấy mẫu khí thay đổi trong khi khí được hút vào. Đợi thời gian lấy mẫu khí hoàn thành và đọc chỉ số đo lường tại điểm cuối của lớp đổi màu (vui lòng ghi chú nồng độ hoặc đánh dấu điểm đổi màu trên ống thủy tinh bằng bút/viết ngay lập tức).

Bộ bơm lấy mẫu khí GASTEC



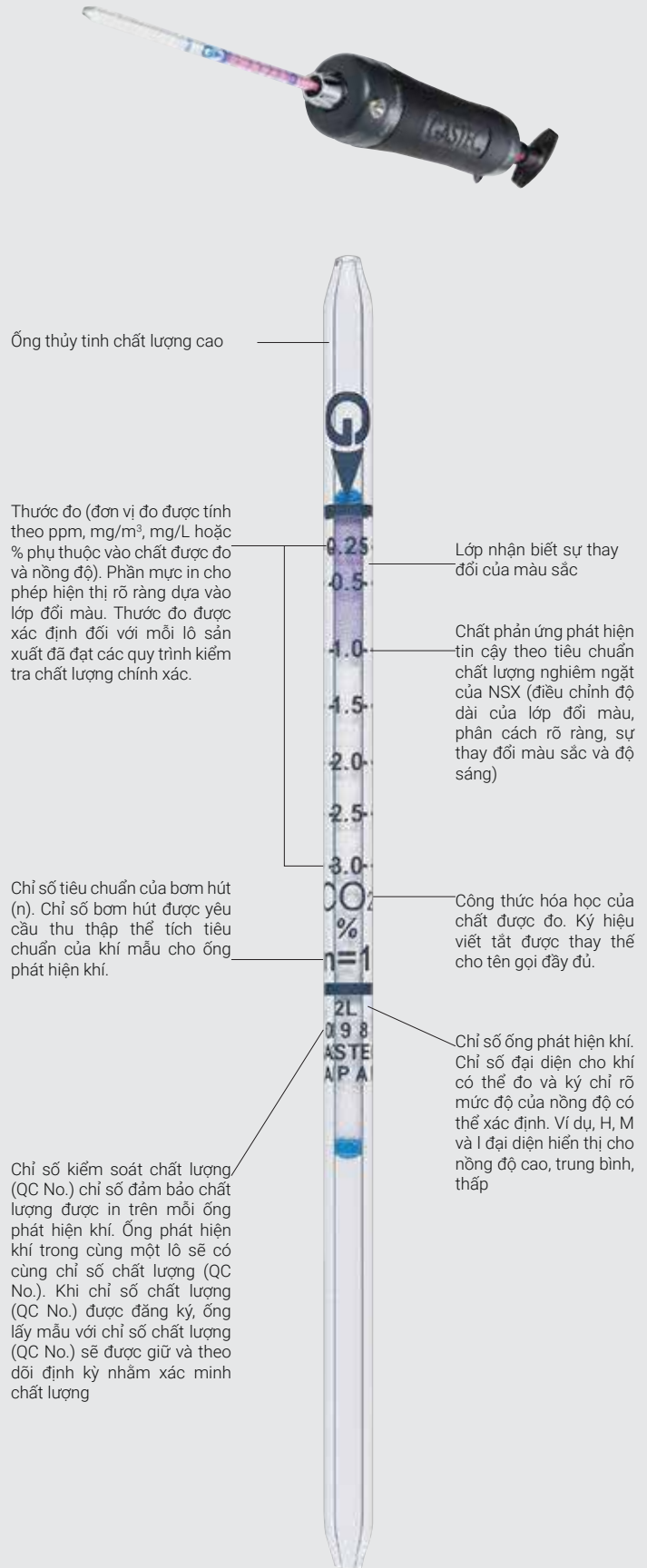
GV-100S



GV-110S

Ống Lấy Mẫu Khí Thông Dụng

Loại	Mô Tả
121L	Ống Benzene
2L	Ống Carbon Dioxide
8LL	Ống Chlorine
163TP	Ống Ethylene Oxide
91LL	Ống Formaldehyde
101	Ống Gasoline (Petrol)
14L	Ống Hydrogen Chloride
7LA	Ống Phosphine
27	Ống Polytec
122L	Ống Toluene
6LLP	Ống Water Vapour



EyeCGas® 2.0

Phát hiện rò rỉ khí nhanh chóng và hiệu quả là vấn đề thật sự cần thiết nhằm bảo vệ người lao động, môi trường làm việc và tài sản của doanh nghiệp. EyeCGas 2.0 hỗ trợ phát hiện nhanh chóng rò rỉ hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) và Methane (CH4) giúp việc khắc phục và sửa chữa được thực hiện một cách hiệu quả và nhanh chóng, đảm bảo duy trì sự an toàn nhưng vẫn tiết kiệm thời gian và chi phí.

Được thiết kế dựa trên nhu cầu của khách hàng và thị trường:

Công Nghệ Không Dây

Tích hợp tính năng WIFI cho phép truyền phát trực tuyến Video và tải Video cung cấp khả năng kết nối tốt hơn.

Chứng Nhận An Toàn

Được chứng nhận có thể sử dụng trong những khu vực có nguy cơ cháy nổ cao cung cấp khả năng an toàn tốt hơn CSA C22.2 No. 213-M1987, Non-Incentive Electrical Equipment for Use in Class I, Division 2 ANSI/ISA-12.12.01 - Class I and II, Division 2, and Class III ATEX intrinsically safe for Zone 2 ratings as: Ex II 3 GD; Ex ic nA nC IIC T6 Gc; Ex ic tc IIIC T85°C Dc

Độ Nhạy Cao

Đảm bảo có thể phát hiện những sự cố rò rỉ nhỏ, được chứng nhận bởi đơn vị thứ 3 theo EPA 0000.

Hình Ảnh Nhiệt

Tính năng đo nhiệt độ và hiển thị màu sắc theo nhiệt độ cung cấp khả năng linh hoạt tốt hơn.

Ldar Ready

Công nghệ LDAR cung cấp khả năng vận hành tốt hơn

1. Tích hợp phần mềm LDAR hàng đầu thế giới trong suốt quá trình vận hành
2. Trang bị chức năng định vị vị trí
3. Cơ chế bảo vệ được cấp bằng sáng chế với PID/FID Phân tích theo phương pháp 21 cho phép sử dụng LDAR thông minh

Khả Năng Tương Thích Ngược EyeCGas

Đễ dàng nâng cấp máy ghi hình EyeCGas thế hệ cũ lên EyeCGas 2.0 .

Ghi Chép Và Lưu Trữ Dữ Liệu

Bộ nhớ trong 64 Gb, chức năng chụp hình, máy ghi hình màu HD đáp ứng nhu cầu sử dụng tốt hơn.



EyeCGas® CO

EyeCGas® CO là máy ghi hình OGI cầm tay sử dụng phát hiện rò rỉ khí CO. Với máy ghi hình, người sử dụng có thể phát hiện và xác định CO cũng như những loại khí thải độc hại khác từ xa một cách an toàn . Cho dù những khí độc này là một phần của quá trình sản xuất, hoặc là phụ phẩm của một dây chuyền sản xuất, EyeCGas® CO giúp cải thiện mức độ an toàn và bảo vệ môi trường.

Sự Khác Biệt

EyeCGas® CO là máy ghi hình hồng ngoại được thiết kế đặc biệt phát hiện khí CO phù hợp sử dụng trong lĩnh vực sản xuất điện, hóa chất, thép.

Hiệu Suất Làm Việc

EyeCGas® CO cho phép kiểm tra định kỳ và theo yêu cầu trong lĩnh vực sản xuất thép và những ngành công nghiệp khác, khu vực khí thải CO cần được theo dõi chặt chẽ. EyeCGas® CO hỗ trợ phát hiện và sửa chữa vị trí rò rỉ khí độc bên trong nhà máy, trong khi vẫn đảm bảo được yêu cầu an toàn.

Hiệu Quả Nhưng Đơn Giản

The EyeCGas® CO cho phép kiểm tra nhanh trên khu vực rộng với giao diện trực quan và đơn giản.

Không Cần Phỏng Đoán

The EyeCGas® CO bao gồm màn hình hiển thị LCD lớn và máy ghi hình kỹ thuật số CCD nhằm nhận biết nhanh các thành phần được kiểm tra hoặc rò rỉ.

Safety

- UL1604 - Thiết bị điện sử dụng trong môi trường có nguy cơ cháy nổ cao Class I & II, Division 2, & Class III
- CSA C22.2 No. 213-M1987 - Thiết bị điện sử dụng trong môi trường có nguy cơ cháy nổ cao Class I, Division 2
- ANSI/ISA-12.12.01 - Thiết bị điện sử dụng trong môi trường có nguy cơ cháy nổ cao Class I & II, Division 2 & Class III.
- ATEX II 3G Ex nL IIC T6.



EyeCGas® CO2

Với máy ghi hình OGI EyeCGas® CO₂, người sử dụng có thể an toàn và dễ dàng xác định rò rỉ khí CO₂ với nồng độ rất nhỏ, cho dù là khí sử dụng phát hiện rò rỉ trong nhà máy và kiểm tra máy tăng cường thu hồi dầu (EOR), hoặc xác nhận tình trạng hoàn tất việc sửa chữa . Tiết kiệm thời gian, phát hiện chính xác và nhanh chóng, và giảm thiểu tối đa thời gian dừng vận hành trong khi đó tránh thất thoát chi phí và những khoản phạt phát sinh.

Sự Khác Biệt

EyeCGas® CO₂ là máy ghi hình hồng ngoại được thiết kế đặc biệt phát hiện khí CO₂ phù hợp sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp như dầu khí, dẫn dụng, năng lượng hạt nhân, sản xuất thép.

Hiệu Suất Làm Việc

Được chứng nhận sử dụng trong môi trường có điều kiện khắc nghiệt và nguy hiểm, EyeCGas® CO₂ giúp tăng cơ hội sử dụng trong những hạn chế hạ tầng trong khi vẫn duy trì tính an toàn, mà không cần cấp phép "làm việc trong không gian nóng".

Hiệu Quả Nhưng Đơn Giản

The EyeCGas® cho phép kiểm tra nhanh trên khu vực rộng với giao diện trực quan và đơn giản.

Không Cần Phỏng Đoán

The EyeCGas® CO₂ bao gồm màn hình hiển thị LCD lớn và máy ghi hình kỹ thuật số CCD nhằm nhận biết nhanh các thành phần được kiểm tra hoặc rò rỉ.

Tính An Toàn

- UL1604 - Thiết bị điện sử dụng trong môi trường có nguy cơ cháy nổ cao Class I & II, Division 2, & Class III.
- CSA C22.2 No. 213-M1987 - Thiết bị điện sử dụng trong môi trường có nguy cơ cháy nổ cao Class I, Division 2.
- Thiết bị điện sử dụng trong môi trường có nguy cơ cháy nổ cao Class I & II, Division 2 & Class III.
- ATEX II 3G Ex nL IIC T6.



EyeCGas® FX

Thiết bị phát hiện rò rỉ khí luôn đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc đảm bảo người lao động, sản phẩm và môi trường được an toàn. EyeCGas® FX phát hiện rò rỉ từ khoảng cách an toàn và tự động cảnh báo đến lực lượng lao động làm việc bên trong nhà máy.

Được thiết kế dựa trên những thành công của máy ghi hình EyeCGas® cầm tay, EyeCGas® FX thuộc dòng máy ghi hình tự động thế hệ mới sử dụng lắp đặt trong nhà máy, cũng như trên giàn khoan.

Hệ thống có độ tin cậy cao đáp ứng nhu cầu cần theo dõi và kiểm soát 24/7. EyeCGas® FX được thiết kế đặc biệt sử dụng trong những ngành công nghiệp lọc hóa dầu, khai thác khí tự nhiên.

Phát Hiện Khí Tự Động

EyeCGas® FX bao gồm máy ghi hình hồng ngoại (IR) có độ nhạy cao và máy ghi hình màu HD hỗ trợ nhận dạng nhanh những khu vực cần kiểm tra. Máy ghi hình cho phép theo dõi liên tục và an toàn tất cả các khu vực của nhà máy, bao gồm những khu vực khó tiếp cận và ở khoảng cách xa. Những đoạn phim có thể được lưu trực tiếp trên máy hoặc được gửi đến phòng kiểm soát.



EyeCGas Mini

EyeCGas® Mini là camera phát hiện rò rỉ khí cầm tay, gọn nhẹ và dễ sử dụng. EyeCGas® Mini trang bị nhiều chế độ, có thể sử dụng với nhiều đầu lọc, vì vậy có thể phát hiện khí Methane, SF6, Ammonia, khí làm lạnh HFC Refrigerants và nhiều khí khác.

Đây đủ tính năng và dễ sử dụng - EyeCGas® Mini trang bị tính năng giao tiếp không dây, truyền dữ liệu, tổng hợp hình ảnh, đo nhiệt, ghi âm thanh & video, và nhiều hơn nữa. Nhỏ gọn và chắc chắn, EyeCGas Mini tạo nên một cuộc cách mạng về cách tổ chức trong việc kiểm tra.

Công nghệ nhiệt không làm lạnh

Tính năng đo nhiệt độ và bảng phân màu rõ ràng tăng khả năng nhận biết tốt hơn

Tùy chọn sử dụng phát hiện khí methane, SF6, Amonia hoặc khí làm lạnh HFC

Vận hành đơn giản giảm thiểu tối đa yêu cầu huấn luyện sử dụng

Trang bị Wi-Fi, Bluetooth và kết nối USB C

Phát hiện khí

13 bảng màu khác nhau và nhiều chế độ xem nhằm cải thiện khả năng phát hiện trong nhiều tình huống khác nhau



EyeCGas 24/7

EyeCGas 24/7 hỗ trợ giám sát và phát hiện rò rỉ khí methane (CH4) và hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) một cách chính xác và nhanh chóng - Phù hợp sử dụng giám sát liên tục rò rỉ khí ngoài trời trong lĩnh vực công nghiệp

Giám sát & cảnh báo liên tục

Phần mềm đi kèm cho phép giám sát 24/7 với nhiều chức năng được thiết kế phù hợp như cầu của khách hàng.

An toàn hơn

Được thiết kế có thể sử dụng trong những môi trường công nghiệp khắc nghiệt, máy ghi hình (camera) với kết cấu cực kỳ chắc chắn, bền và khả năng chống nước cao phù hợp sử dụng trong các điều kiện ngoài trời khắc nghiệt

Khả năng định lượng

Sử dụng công nghệ tiên tiến nhất cho phép người sử dụng đo lường chính xác tỉ lệ rò rỉ với một khoảng cách an toàn

Lắp đặt dễ dàng hơn

Bộ đồ Pan & Tilt cho phép tùy chọn giám sát nhiều khu vực với 1 máy ghi hình (camera)

Khả năng truyền dữ liệu hiệu quả

Mã hỗ trợ cấu hình Modbus và OPC.



EyeCGas 24/7 Pro

EyeCGas 24/7 Pro hỗ trợ giám sát và phát hiện rò rỉ khí methane (CH4) và hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) một cách chính xác và nhanh chóng - Phù hợp sử dụng giám sát liên tục rò rỉ khí ngoài trời trong lĩnh vực công nghiệp

Giám sát & cảnh báo liên tục

Phần mềm đi kèm cho phép giám sát 24/7 với nhiều chức năng riêng biệt được thiết kế phù hợp như cầu của khách hàng.

An toàn hơn

Được thiết kế có thể sử dụng trong những môi trường công nghiệp khắc nghiệt, máy ghi hình (camera) với kết cấu cực kỳ chắc chắn, bền và khả năng chống nước cao phù hợp sử dụng trong các điều kiện ngoài trời khắc nghiệt

Khả năng định lượng

Sử dụng công nghệ cắt cạnh (Cutting-edge technology) cho phép người sử dụng đo lường chính xác tỉ lệ rò rỉ với một khoảng cách an toàn

Lắp đặt dễ dàng hơn

Bộ đồ Pan & Tilt cho phép tùy chọn giám sát nhiều khu vực với 1 máy ghi hình (camera)

Khả năng truyền dữ liệu hiệu quả

Hỗ trợ cấu hình Modbus và OPC.



EyeCSite

EyeCSite® là phần mềm định lượng hàng đầu trong lĩnh vực công nghiệp, cung cấp một loạt chức năng giúp phát hiện, cảnh báo và định lượng rò rỉ khí trên giao diện đơn giản và thân thiện với người dùng, mà không cần sử dụng máy phân tích tiếp xúc gần. Ngoài ra, phần mềm cho phép người sử dụng tạo báo cáo đầy đủ với tất cả thông tin cảnh báo sau khi kết thúc thao tác kiểm tra.

Định lượng

Định lượng rò rỉ khí từ khoảng cách an toàn. Tỉ lệ rò rỉ được ước lượng theo khối lượng hoặc thể tích.

An toàn & chắc chắn

Được cài đặt sẵn trong máy tính bảng hoặc máy tính xách tay với khả năng cơ động cao và được chứng nhận đầy đủ các tiêu chuẩn

Thân thiện với người dùng

Cấu hình tự động trên giao diện để sử dụng và thân thiện với người dùng

Phân tích theo thời gian thực và sau đó

Định lượng rò rỉ theo thời gian thực và sau đó bằng cách tải dữ liệu video từ EyeCGas 2.0

Lưu dữ liệu & báo cáo

Dễ dàng lấy báo cáo kiểm tra và xem lại lịch sử sự kiện trực tiếp từ phần mềm

Kết nối không dây

Kết nối không dây dễ dàng với máy ghi hình (camera) EyeCGas OGI



EyeCSite Pro

EyeCSite Pro là nền tảng quản lý video công nghiệp phù hợp sử dụng trong lĩnh vực dầu khí. Kết hợp tính năng giám sát và cảnh báo theo thời gian thực trong một giải pháp và có tính trực quan nhất.

Phát hiện rò rỉ khí: Phát hiện khí rò rỉ trong vùng quan tâm đã được cấu hình sẵn

Laser khí: Định lượng bằng thiết bị phân tích khí bằng laser

Định lượng khí: Định lượng tỉ lệ rò rỉ khí vào trong không khí

Cảnh báo Man-down: Phát hiện người bị bất tỉnh hoặc không di chuyển trong 1 thời gian nhất định

Giám sát: Phát hiện tình trạng xâm nhập vào vùng quan tâm

Phát hiện dị thường: Phát hiện những trạng thái không bình thường liên quan đến hoạt động di chuyển hoặc dung dịch

Phát hiện hỏa hoạn: Phát hiện sự cố hỏa hoạn trong vùng quan tâm được cấu hình sẵn

Giám sát ngọn lửa: Kiểm soát kích cỡ ngọn lửa như là một dấu hiệu đầu tiên đối với hiệu suất đốt cháy

Tính năng đo nhiệt độ thông minh: Kiểm soát kích cỡ ngọn lửa như là một dấu hiệu đầu tiên đối với hiệu suất đốt cháy

Panindochina® là trung tâm dịch vụ ủy quyền của nhà sản xuất Industrial Scientific tại Việt Nam. Việc hợp tác và làm việc chặt chẽ với nhà cung cấp, **Panindochina®** đảm bảo cung cấp và mang lại những dịch vụ tốt nhất đến với khách hàng theo quy chuẩn của nhà sản xuất.

Đội ngũ kỹ thuật được huấn luyện và cấp chứng chỉ định kỳ trực tiếp bởi những chuyên gia hàng đầu về phát hiện khí của nhà sản xuất. Cùng với cơ sở hạ tầng và trang thiết bị hiện đại, chúng tôi tự tin có thể đáp ứng hầu hết những nhu cầu của khách hàng.

Panindochina® luôn tự tin là cầu nối quan trọng giữa nhà sản xuất và khách hàng tại Việt Nam.

Dịch Vụ Máy Phát Hiện Khí:

- Kiểm tra máy.
- Hiệu chuẩn và chứng nhận.
- Sửa chữa và thay thế phụ kiện.
- Huấn luyện kỹ thuật.
- Dịch vụ cho thuê.



Các lưu ý và khuyến cáo của nhà sản xuất khi sử dụng máy phát hiện khí:

- Thực hiện zeroing trước mỗi lần sử dụng. Phải thực hiện zeroing trong môi trường không khí sạch.
- Thực hiện kiểm tra chức năng máy (bump test) trước mỗi ngày sử dụng.
- Thực hiện hiệu chuẩn mỗi tháng.

Thông Tin Cảm Biến Tham Khảo

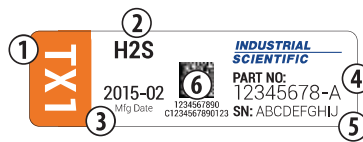
Cảm biến: HCN, HCl, ClO₂, PH₃, và Cl₂:

Được sản xuất từ ngày 1/1/2014. SN xxxxxxxx-**MMY**, MM=Tháng và Y=Năm. (Ví dụ: SN 12345678014, cho biết thời gian sản xuất vào tháng 01/2014).

Được sản xuất trước 1/1/2014. SN xxxxxxxx-**YWW**, Y=Năm và WW=Tuần. (Ví dụ: SN 12345678014, cho biết thời gian sản xuất vào tuần thứ 14 năm 2010).

Cảm biến PID. SN **YYMM** xxxx-xxxx, YY=Năm, MM=Tháng. (Ví dụ SN 1209375681, cho biết thời gian sản xuất vào 09/2012).

Cảm biến hồng ngoại (IR). SN **YYMM** xxxxxxxx, YY=Năm và MM=Tháng. (Ví dụ S/N 1305277678, cho biết thời gian sản xuất vào 05/2013).



1. Màu sắc – Được mã hóa tên máy
2. Loại cảm biến khí
3. Ngày sản xuất (YYYY-MM)

4. Mã số/ Số đặt hàng
5. Số thứ tự (serial number)
6. Chỉ sử dụng cho Industrial Scientific

Tuổi Thọ Cảm Biến

Cảm biến khí cháy	Tất cả máy	2-3 năm trong điều kiện sử dụng bình thường
Cảm biến khí độc	Tất cả máy	1-3 năm trong điều kiện sử dụng bình thường (có thể thay đổi với từng loại)
Cảm biến Oxi	Tất cả máy	2 năm
Cảm biến hồng ngoại (IR)	MX6 iBrid	5 năm
Cảm biến PID	MX6 iBrid	Khoảng 6,000 giờ

4 Bước Vận Hành Thành Công Chương Trình Phát Hiện Khí

Vận hành thủ công

1. Khởi động máy, kiểm tra mức độ pin và loại cảm biến đã được lắp đặt.
2. Zeroing máy.
3. Bump Test (Kiểm tra chức năng) máy.
4. Xóa chỉ số đọc cao nhất

Bộ hiệu chuẩn (Docking Station)

1. Đặt máy lên bộ hiệu chuẩn.
2. Khởi động máy, kiểm tra mức độ pin và loại cảm biến được lắp đặt.
3. Zeroing máy.
4. Xóa chỉ số đọc cao nhất.



Ống Lấy Mẫu

Industrial Scientific cung cấp nhiều loại ống lấy mẫu khí với nhiều kích thước và chủng loại khác nhau nhằm đáp ứng hầu hết nhu cầu lấy mẫu khí. Ống lấy mẫu được sử dụng kết hợp với bơm lấy mẫu khí hoặc các máy phát hiện khí được tích hợp bơm hút của Industrial Scientific.

Mã hàng	Mô tả
18102111 (f)	Ống lấy mẫu khí với các đoạn gấp và các mối nối, chiều dài 4.5 ft
18101428 (g)	Ống lấy mẫu khí Polycarbonate và các mối nối, chiều dài 4.5 ft
18101386 (m)	Ống lấy mẫu khí thép không gỉ có thể kéo dài hoặc thu ngắn, chiều dài 6 ft
18102306 (i)	Ống lấy mẫu khí bằng thép không gỉ với bộ lọc, chiều dài 3'
18102309 (h)	Ống lấy mẫu khí Polycarbonate với bộ lọc, chiều dài 1.5 ft
18102276 (j)	Ống lấy mẫu khí thải bằng thép không gỉ với bộ lọc (tới 1,500°F), chiều dài 1.5 ft
18102246 (k)	Ống lấy mẫu khí dài với các mối nối Teflon, chiều dài 3 ft
18103309	Ống lấy mẫu khí cuộn bằng nhôm (800-900°F) (không biến dạng)
18104299 (l)	Ống lấy mẫu khí Polycarbonate với bộ lọc cao, chiều dài 3 ft
18105239	ATX 90° Bộ lấy mẫu khí ngắt kết nối nhanh (không biến dạng)

Bộ Ống Lấy Mẫu Khí Mẫu

Bộ ống mẫu Urethane thông dụng được sử dụng cho tất cả các loại khí trừ: Cl_2 , ClO_2 , HCl, và hợp chất Volatile hữu cơ (VOCs, sử dụng đo lường bởi cảm biến MX6 PID). Bộ ống mẫu này sẽ được giới thiệu với các chiều dài 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90 và 100 feet. Dưới đây là các mã hàng và miêu tả cho 10 phiên bản của bộ ống mẫu Urethane thông dụng:



Bộ Ống Mẫu Urethane Thông Dụng

Mã hàng	Mô tả
18109207-10	Bộ ống lấy mẫu khí Urethane thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước, chiều dài, 10 ft/3 m
18109207-20	Bộ ống lấy mẫu khí Urethane thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước, chiều dài, 20 ft/6.1 m
18109207-30	Bộ ống lấy mẫu khí Urethane thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước, chiều dài, 30 ft/9. m
18109207-40	Bộ ống lấy mẫu khí Urethane thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước, chiều dài, 40 ft/12.2 m
18109207-50	Bộ ống lấy mẫu khí Urethane thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước, chiều dài, 50 ft/15.2 m
18109207-60	Bộ ống lấy mẫu khí Urethane thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước, chiều dài, 60 ft/18.3 m
18109207-70	Bộ ống lấy mẫu khí Urethane thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước, chiều dài, 70 ft/21.3 m
18109207-80	Bộ ống lấy mẫu khí Urethane thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước, chiều dài, 80 ft/24.4 m
18109207-90	Bộ ống lấy mẫu khí Urethane thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước, chiều dài, 90 ft/27.4 m
18109207-100	Bộ ống lấy mẫu khí Urethane thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước, chiều dài, 100 ft/30.5 m

Bộ Ống Lấy Mẫu Khí Teflon Thông Dụng

Bộ ống lấy mẫu khí thông dụng Teflon chủ yếu sử dụng cho các loại khí lạ dễ dàng hấp thụ bởi một số loại ống. Những loại khí lạ bao gồm: Cl_2 , ClO_2 , HCl và hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOCs, sử dụng đo lường bởi cảm biến PID của máy phát hiện khí MX6). Ngoài sử dụng phát hiện các loại khí này, ống lấy mẫu khí Teflon thông dụng còn được sử dụng để lấy bất kỳ loại khí khác.

Nếu bạn không chắc chắn về ống lấy mẫu khí mình đang sử dụng, người sử dụng nên sử dụng loại ống này. Ống lấy mẫu khí Teflon là thiết bị mang đến cho bạn câu trả lời hoàn hảo và ngăn ngừa hấp thụ khí, nhưng có thể gây khó khăn để gắn phần đầu vào bơm hoặc gắn vào bộ lọc nếu các phụ kiện không phù hợp. Chính vì lý do đó, Industrial Scientific không khuyến cáo sử dụng nhiều với ống lấy mẫu Teflon. Tốt hơn, bộ ống lấy mẫu Teflon nên kết hợp với một đoạn ngắn ống Urethane sẽ dễ dàng gắn vào đầu bơm và bộ lọc cản bụi/nước. Bộ sản phẩm có nhiều chiều dài khác nhau như 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90 và 100 feet.

Mã hàng	Mô tả
18109206-10	Bộ ống lấy mẫu khí Teflon thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước, chiều dài, 10 ft/3 m
18109206-20	Bộ ống lấy mẫu khí Teflon thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước, chiều dài, 20 ft/6.1 m
18109206-30	Bộ ống lấy mẫu khí Teflon thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước, chiều dài, 30 ft/9.1 m
18109206-40	Bộ ống lấy mẫu khí Teflon thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước, chiều dài, 40 ft/12.2 m
18109206-50	Bộ ống lấy mẫu khí Teflon thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước, chiều dài, 50 ft/15.2 m
18109206-60	Bộ ống lấy mẫu khí Teflon thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước, chiều dài, 60 ft/18.3 m
18109206-70	Bộ ống lấy mẫu khí Teflon thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước, chiều dài, 70 ft/21.3 m
18109206-80	Bộ ống lấy mẫu khí Teflon thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước, chiều dài, 80 ft/24.4 m
18109206-90	Bộ ống lấy mẫu khí Teflon thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước, chiều dài, 90 ft/27.4 m
18109206-100	Bộ ống lấy mẫu khí Teflon thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước, chiều dài, 100 ft/30.52 m

Van Hiệu Chuẩn

Bộ van hiệu chuẩn cung cấp lưu lượng khí phù hợp để hiệu chuẩn cho các máy phát hiện khí của Industrial Scientific. Luôn đảm bảo sử dụng van hiệu chuẩn phù hợp cho từng ứng dụng theo khuyến cáo trong sách hướng dẫn.



- a. 18100933 - Van hiệu chuẩn bằng tay 34 L (lưu lượng 1/2 L/phút).
- b. 18102509 - Van hiệu chuẩn tự động 58/103 L.
- c. 18103564 - Van hiệu chuẩn tự động 34 L.
- d. 18102260 - Van hiệu chuẩn bằng tay 552 L (lưu lượng 1/2 L/phút).
- e. 18100883 - Van hiệu chuẩn bằng tay 58/103 L (lưu lượng 1/2 L/phút).
- f. 18102155 - Van hiệu chuẩn bằng tay với khí Amoniac 58/103 L.
- g. 18103580 - Van kiểm tra chức năng 58/103 L.



- h. 18105841 - Van hiệu chuẩn tự động 58/103/34L với công tắc áp suất khí
- i. 18105833 - Van hiệu chuẩn tự động 552L, công tắc áp suất khí 590 CGA
- j. 18105858 - Van hiệu chuẩn tự động 650L, công tắc áp suất khí 330 CGA
- k. 18106740 - Van hiệu chuẩn tự động, công tắc áp suất khí 660 CGA



Bộ hiệu chuẩn MX6 iBrid
Bộ chia khí hiệu chuẩn 5 cổng cắm (18105924) với Van hiệu chuẩn tự động (18105841) và kết nối với bình khí qua công tắc áp suất iGas (18105684).



(l) 18105924 - Bộ chia khí hiệu chuẩn 5 cổng cắm

Van hiệu chuẩn tự động

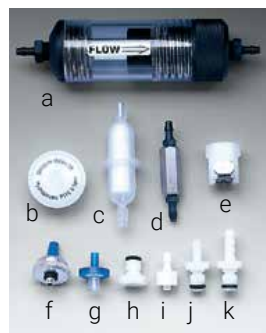
Van hiệu chuẩn

Mã hàng	Mô tả
18100933	(a) Van hiệu chuẩn bằng tay 34L (lưu lượng khí 1/2 L/phút)
18102509	(b) Van hiệu chuẩn tự động 58/103L (và bình nhôm 34L)
18103564	(c) Van hiệu chuẩn tự động 34L, CGA 600
18103549	Van hiệu chuẩn tự động 552L, CGA 590
18103556	Van hiệu chuẩn tự động 650L, CGA 330
18104158	Van hiệu chuẩn tự động, CGA 660
18106708	Van hiệu chuẩn tự động, CGA 705
18102260	(d) Van hiệu chuẩn bằng tay 552L (lưu lượng khí 1/2 L/phút), CGA 590
18100883	(e) Van hiệu chuẩn bằng tay 58/103L (và bình nhôm 34L), (lưu lượng khí 1/2 L/phút)
18102155	(f) Van hiệu chuẩn bằng tay với khí Amoniac 58/103 L
18103580	(g) Van kiểm tra chức năng 58/103L với nút vận hành
18103374	Van HCBT 650L (lưu lượng khí 1/2 L/phút), CGA 330
18104695	Van HCBT với nút vận hành kiểm tra chức năng, CGA 330
18104356	Van HCBT với nút vận hành kiểm tra chức năng, CGA 590
18105924	Bộ chia khí hiệu chuẩn 5 cổng cắm

Mã hàng	Mô tả
18105841	(h) Van hiệu chuẩn tự động 58/103/34L với công tắc áp suất khí 150 PSI
18109244	(h) Van hiệu chuẩn tự động 58/103/34L với công tắc áp suất khí 250 PSI
18105866	Van hiệu chuẩn tự động 34L, với công tắc áp suất khí 660 CGA 150 PSI
18109243	Van hiệu chuẩn tự động 34L, với công tắc áp suất khí 660 CGA 250 PSI
18105833	(i) Van hiệu chuẩn tự động 552L, với công tắc áp suất khí 590 CGA 200 PSI
18109241	(i) Van hiệu chuẩn tự động 552L, với công tắc áp suất khí 590 CGA 500 PSI
18105858	(j) Van hiệu chuẩn tự động 650L, với công tắc áp suất khí 330 CGA 200 PSI
18109242	(j) Van hiệu chuẩn tự động 650L, với công tắc áp suất khí 330 CGA 500 PSI
18106740	(k) Van hiệu chuẩn tự động, với công tắc áp suất khí 660 CGA 200 PSI
18109246	(k) Van hiệu chuẩn tự động, với công tắc áp suất khí 660 CGA 500 PSI
18106757	Van hiệu chuẩn tự động, công tắc áp suất khí 705 CGA
18101766	Van hiệu chuẩn bằng tay 58/103L (lưu lượng khí 1 L/dòng)

Lấy mẫu từ xa cho phép người sử dụng đánh giá các mẫu khí từ một khu vực có khí không xác định và có khả năng độc hại hoặc dễ cháy bằng cách sử dụng máy phát hiện khí được hút khí trước khi người sử dụng vào khu vực.

Lưu lượng khí rất quan trọng cho việc thu mẫu khí. Tất cả các bộ lọc nên được thay thế khi bụi bẩn hoặc thấm nước gây ức chế luồng không khí. Cho phép dễ dàng ngắt kết nối, không quá khó khăn để gắn ống lấy mẫu và bơm hút khí với nhau một cách chắc chắn.



- Các thiết bị lấy mẫu khí:
- a. Bộ cân nước dung tích lớn
 - b. Bộ lọc cân bụi/ nước cho Bộ hiệu chuẩn DSX
 - c. Bộ lọc cân bụi cho iSP/ SP402/SP202/SP100 Pumps
 - d. Ống xúc tác
 - e. Khớp nối ngắt kết nối nhanh, đầu cái
 - f. Bộ lọc thay thế (Gói số 5)
 - g. Bộ lọc cân bụi/ nước cho Hệ thống MX6/ATX
 - h. Đầu ngắt kết nối nhanh, đầu đực, có đường ren
 - i. Khớp nối Luer, đầu đực, 3/16" Barb
 - j. Khớp nối ngắt kết nối nhanh, đầu đực, 1/8" Barb
 - k. Khớp nối ngắt kết nối nhanh, đầu đực, 3/16" Barb



- l. 17037961 – Hộp đựng cho 2 chai khí (58 L)
- m. 17124348 – Giá đỡ treo tường/bàn để sử dụng với chai khí 34, 58, 116, và 552 lít (chưa bao gồm chai khí)

Thiết Bị Lấy Mẫu Khí

Mã hàng	Mô tả
18102277	(a) Bộ cân nước dung tích lớn
17057803	Bộ lọc thay thế Gortex dành cho 18102277
17027152	(b) Bộ lọc đĩa trắng
18109558	(b) Bộ lọc đĩa trắng (Gói 10)
17050908	(c) Bộ lọc bụi 10 micron, cho MX6 iBrid, Ventis, VentisPro bơm hút
17041740	(d) Ống xúc tác (sử dụng cho Bơm lấy mẫu)
17050688	(e) Khớp nối ngắt kết nối nhanh, đầu cái
17024597	(f) Bộ lọc thay thế cho đầu dò 6"
18109559	(f) Bộ lọc thay thế cho đầu dò 6" (Gói 5)
17058157	(g) Bộ lọc cân bụi/ nước cho MX6 iBrid
17051611	(h) Đầu ngắt kết nối nhanh, đầu đực, có đường ren
17048273	(i) Khớp nối Luer, đầu đực, 3.175 mm (1/8") Barb
17050698	(i) Khớp nối Luer, đầu đực, 4.7625 mm (3/16") Barb
17050689	(j) Khớp nối ngắt kết nối nhanh, đầu đực, 1/8" Barb
17050775	(k) Khớp nối ngắt kết nối nhanh, đầu đực, 4.7625 mm (3/16 in) Barb
17051319	Bộ lọc cân bụi/ nước cho Bộ hiệu chuẩn DSX
17051701	Ống dò thay thế cho 18101386
17136540	Đầu lọc SP6 (sử dụng với 18105155)
17152395	Bộ lọc cân bụi/ nước cho bơm trượt Ventis Slide-on
17068099	Bộ giảm tốc 3/16" đến 1/8"
17129909	Nắp lọc cho MX6 iBrid/Ventis

PGD

Bộ ống lấy mẫu khí Urethane thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước

Mã hàng	Chiều dài	Mã hàng	Chiều dài
18109207-10	3 m/10 ft	18109207-60	18.3 m/60 ft
18109207-20	6.1 m/20 ft	18109207-70	21.3 m/70 ft
18109207-30	9.1 m/30 ft	18109207-80	24.4 m/80 ft
18109207-40	12.2 m/40 ft	18109207-90	27.4 m/90 ft
18109207-50	15.2 m/50 ft	18109207-100	30.5 m/100 ft

Chú ý: Không sử dụng với cảm biến Cl₂, ClO₂, HCl, hoặc PID

Bộ ống lấy mẫu khí Teflon thông dụng với bộ lọc chống bụi/nước

Mã hàng	Chiều dài	Mã hàng	Chiều dài
18109206-10	3 m / 10 ft	18109206-60	18.3 m / 60 ft
18109206-20	6.1 m / 20 ft	18109206-70	21.3 m / 70 ft
18109206-30	9.1 m / 30 ft	18109206-80	24.4 m / 80 ft
18109206-40	12.2 m / 40 ft	18109206-90	27.4 m / 90 ft
18109206-50	15.2 m / 50 ft	18109206-100	30.5 m / 100 ft

Chú ý: Sử dụng với tất cả các loại cảm biến

Bộ ống lấy mẫu - sử dụng cho đầu dò 18101386

18108043	Bộ ống lấy mẫu sử dụng cho MX6 iBrid/Ventis – Urethane (Không sử dụng với cảm biến Cl ₂ , ClO ₂ , HCl, hoặc PID)
18108093	Bộ ống lấy mẫu sử dụng MX6 iBrid/Ventis – Teflon (Sử dụng cho tất cả các loại cảm biến)



Thực Hiện Kiểm Tra Chức Năng Tại Nơi Làm Việc

Kiểm tra chức năng máy phát hiện khí trước mỗi ngày sử dụng là phương pháp duy nhất để đảm bảo các chức năng đang hoạt động hiệu quả. Nhưng nếu người sử dụng đang trên công trường, và có thể không có bộ hiệu chuẩn hoặc khí hiệu chuẩn để kiểm tra thiết bị. Khi người sử dụng đi vào những khu vực nguy hiểm, họ có thể không thể nhận ra thiết bị đang có vấn đề, đến khi mọi việc đã quá trễ. Vì vậy người sử dụng cần một giải pháp để có thể kiểm tra máy phát hiện khí ở bất cứ nơi đâu.

Giới Thiệu Chai Khí Hiệu Chuẩn Cầm Tay Bump-N-Go™

- Kiểm tra chức năng máy trong mọi thời điểm với chai khí hiệu chuẩn nhỏ gọn
- Có thể thực hiện kiểm tra lên đến 250 lần/chai khí, với chi phí thấp hơn nhờ sử dụng van hiệu chuẩn tích hợp nút bấm, nhằm tránh lãng phí khí hiệu chuẩn
- Chi phí vận chuyển thấp vì không bị liệt kê vào danh mục hàng hóa nguy hiểm khi vận chuyển đường bộ
- Tiết kiệm thời gian và chi phí



Chai Khí Đơn Lẻ

Mã Hàng	Mô tả
18109566	Chai khí Bump-N-Go, 100 ppm CO
18109567	Chai khí Bump-N-Go, 40 ppm H ₂ S
18109568	Chai khí Bump-N-Go, 100 ppm CO, 75 ppm H ₂ S, 15% O ₂ , 25% LEL (Methane)

Bộ 6 Chai Khí

18109579	Chai khí Bump-N-Go, 6 chai, 100 ppm CO
18109578	Chai khí Bump-N-Go, 6 chai, 40 ppm H ₂ S
18109577	Chai khí Bump-N-Go, 6 chai, 100 ppm CO, 75 ppm H ₂ S, 15% O ₂ , 25% LEL (Methane)

Van Hiệu Chuẩn

18109565	Van hiệu chuẩn tích hợp nút bấm sử dụng với chai khí Bump-N-Go
----------	--



Khí hiệu chuẩn giúp đảm bảo máy phát hiện khí vận hành đúng và phản ứng với khí tiếp xúc như mong đợi. Thiết bị phát hiện khí nên được hiệu chuẩn mỗi tháng nhằm đảm bảo cảm biến đang hoạt động hiệu quả và chính xác. Tất cả chai khí hiệu của được sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng cao nhất và bao gồm kỹ thuật pha trộn có thể theo dõi NIST, kiểm định rò rỉ đối với mỗi chai khí, nồng độ thành phần được chứng nhận, số lô và ngày hết hạn được đánh dấu rõ ràng. Chai khí thay thế có sẵn với nhiều kích thước và nồng độ khác nhau.



DEMAND FLOW REGULATORS

Mã Hàng	Mô Tả	Thể Tích	Van Hiệu Chuẩn 0.5LPM	Lưu Lượng Yêu Cầu	Công Tắc Áp Suất Với iGas
18105825	CYL, 200 ppm CO, 75 ppm H2S, 15% O2, 25% LEL Methane (For bump testing only)	11L	18100883	18102509	18105841
18109173	CYL, 18% O2, 25% LEL Pentane	103L	18100883	18102509	18105841
18109174	CYL, 100 ppm CO, 18% O2, 2.5% Methane	103L	18100883	18102509	18105841
18109187	CYL, 100 ppm CO, 18% O2, 2.5% Methane	552L	18102260	18103549	18105833
18109199	CYL, 100 ppm CO, 18% O2, 2.5% Methane	4,000L	n/a	18103556	18105858
18109165	CYL, 100 ppm CO, 18% O2, 25% LEL Pentane	103L	18100883	18102509	18105841
18109161	CYL, 100 ppm CO, 18% O2, 25% LEL Pentane	552L	18102260	18103549	18105833
18109156	CYL, 100 ppm CO, 25 ppm H2S, 18% O2, 2.5% Methane	58L	18100883	18102509	18105841
18109158	CYL, 100 ppm CO, 25 ppm H2S, 18% O2, 2.5% Methane	116L	18100883	18102509	18105841
18109160	CYL, 100 ppm CO, 25 ppm H2S, 18% O2, 2.5% Methane	650L	18103374	18103556	18105858
18109198	CYL, 100 ppm CO, 25 ppm H2S, 18% O2, 50% LEL Methane	4,000L	n/a	18103556	18105858
18109155	CYL, 100 ppm CO, 25 ppm H2S, 18% O2, 25% LEL Pentane	58L	18100883	18102509	18105841
18109157	CYL, 100 ppm CO, 25 ppm H2S, 18% O2, 25% LEL Pentane	116L	18100883	18102509	18105841
18109159	CYL, 100 ppm CO, 25 ppm H2S, 18% O2, 25% LEL Pentane	650L	18103374	18103556	18105858
18109194	CYL, 100 ppm CO, 25 ppm H2S, 18% O2, 25% LEL Pentane	4,000L	n/a	18103556	18105858
18109176	CYL, 100 ppm CO, 2.5% CO2, 18% O2, 25% LEL Pentane	103L	18100883	18102509	18105841
18109186	CYL, 100 ppm CO, 2.5% CO2, 18% O2, 25% LEL Pentane	552L	18102260	18103549	18105833
18109269	CYL, 250 ppm CO, 2.5% CO2, 18% O2, 50% LEL Methane	103L	18100883	18102509	18105841
18109251	CYL, 100 ppm CO, 25 ppm H2S, 2.5% CO2, 18% O2, 2.0% (40% LEL) Methane	116L	18100883	18102509	18105841
18109363	CYL, 100 ppm CO, 25 ppm H2S, 2.5% CO2, 18% O2, 2.0% (40% LEL) Methane	650L	18103374	18103556	18105858
18109250	CYL, 100 ppm CO, 25 ppm H2S, 2.5% CO2, 18% O2, 25% LEL Pentane	116L	18100883	18102509	18105841
18109362	CYL, 100 ppm CO, 25 ppm H2S, 2.5% CO2, 18% O2, 25% LEL Pentane	650L	18103374	18103556	18105858
18109236	CYL, 100 ppm CO, 5 ppm NO2, 18% O2, 25% LEL Pentane	116L	18100883	18102509	18105841
18109235	CYL, 100 ppm CO, 5 ppm NO2, 18% O2, 25% LEL Pentane	650L	n/a	n/a	18106740
18109184	CYL, 100 ppm CO, 5 ppm NO2, 18% O2, 2.5% Methane	58L	18100883	18102509	18105841
18109324	CYL, 5 ppm SO2, 18% O2, 2.5% Methane	116L	18100883	18102509	18105841



Chương trình thay khí hiệu chuẩn tự động

Bằng cách tham gia chương trình thay khí tự động, người lao động luôn được đảm bảo không phải lo lắng về tình trạng thiếu khí hiệu chuẩn và vì vậy không bao giờ xảy ra trường hợp thiếu thiết bị đã được hiệu chuẩn. Đối với những doanh nghiệp đăng ký chương trình này, chai khí hiệu chuẩn mới sẽ tự động được giao khi hệ thống iNet phát hiện chai khí hiệu chuẩn sắp hết khí.

Chú ý: Thời hạn sử dụng mỗi chai khí hiệu chuẩn khác nhau phụ thuộc vào từng loại khí. Vui lòng liên hệ với **Panindochina** để biết thêm thông tin chi tiết

Mã Hàng	Mô Tả	Thể Tích	Van Hiệu Chuẩn 0.5LPM	Lưu Lượng Yêu Cầu	Công Tác Áp Suất Với iGas
18102151	CYL, 25 ppm Ammonia (NH3)	58L	18100883	18102509	18105841
18109081	CYL, 25ppm Ammonia (NH3)	116L	18100883	18102509	18105841
18106658	CYL, 25 ppm Ammonia (NH3)	650L	n/a	n/a	18106740
78103868	CYL, 50 ppm Ammonia (NH3)	58L	18100883	18102509	18105841
18109106	CYL, 50 ppm Ammonia (NH3)	116L	18100883	18102509	18105841
18109392	CYL, 50 ppm Ammonia (NH3)	650L	n/a	n/a	18106740
18102913	CYL, 2.5% Carbon Dioxide (CO2)	103L	18100883	18102509	18105841
18104208	CYL, 5.0% Carbon Dioxide (CO2)	103L	18100883	18102509	18105841
18102163	CYL, 100 ppm Carbon Monoxide (CO)	103L	18100883	18102509	18105841
18103101	CYL, 100 ppm Carbon Monoxide (CO)	552L	18102260	18103549	18105833
18101758	CYL, 10 ppm Chlorine (Cl2)	58L	18100883	18102509	18105841
18109082	CYL, 10 ppm Chlorine (Cl2)	116L	18100883	18102509	18105841
18106955	CYL, 10 ppm Chlorine (Cl2)	650L	18103374	18103556	18105858
18102996	CYL, 500 ppm Hydrogen (H2)	103L	18100883	18102509	18105841
18102154	CYL, 10 ppm Hydrogen Chloride (HCl)	58L	18100883	18102509	18105841
18109088	CYL, 10 ppm Hydrogen Chloride (HCl)	116L	18100883	18102509	18105841
18106963	CYL, 10 ppm Hydrogen Chloride (HCl)	650L	18103374	18103556	18105858
18100859	CYL, 25 ppm Hydrogen Sulfide (H2S)	58L	18100883	18102509	18105841
18109078	CYL, 25 ppm Hydrogen Sulfide (H2S)	116L	18100883	18102509	18105841
18106633	CYL, 25 ppm Hydrogen Sulfide (H2S)	650L	18103374	18103556	18105858
18109132	CYL, 25 ppm Hydrogen Sulfide (H2S)	4,000L	n/a	18103556	18105858
18102152	CYL, 10 ppm Hydrogen Cyanide (HCN)	58L	18100883	18102509	18105841
18109085	CYL, 10 ppm Hydrogen Cyanide (HCN)	116L	18100883	18102509	18105841
18107839	CYL, 10 ppm Hydrogen Cyanide (HCN)	650L	n/a	n/a	18106740
18102939	CYL, 100 ppm Isobutylene	103L	18100883	18102509	18105841
18107375	CYL, 100 ppm Isobutylene	552L	18102260	18103549	18105833
18101378	CYL, 2.5% Methane (CH4)	103L	18100883	18102509	18105841
18104778	CYL, 99% Methane (CH4)	34L	18100883	18102509	18105841
18102153	CYL, 25 ppm Nitric Oxide (NO)	58L	18100883	18102509	18105841
18109091	CYL, 25 ppm Nitric Oxide (NO)	116L	18100883	18102509	18105841
18107722	CYL, 25 ppm Nitric Oxide (NO)	650L	n/a	n/a	18106740
18102219	CYL, 5 ppm Nitrogen Dioxide (NO2)	58L	18100883	18102509	18105841
18109087	CYL, 5 ppm Nitrogen Dioxide (NO2)	116L	18100883	18102509	18105841
18105882	CYL, 5 ppm Nitrogen Dioxide (NO2)	650L	n/a	n/a	18106740
18101477	CYL, 25 ppm Nitrogen Dioxide (NO2)	58L	18100883	18102509	18105841
18109084	CYL, 25 ppm Nitrogen Dioxide (NO2)	116L	18100883	18102509	18105841
18107730	CYL, 25 ppm Nitrogen Dioxide (NO2)	650L	n/a	n/a	18106740
18104059	CYL, 1.0 ppm Phosphine (PH3)	58L	18100883	18102509	18105841
18102222	CYL, 5 ppm Sulfur Dioxide (SO2)	58L	18100883	18102509	18105841
18109086	CYL, 5 ppm Sulfur Dioxide (SO2)	116L	18100883	18102509	18105841
18108126	CYL, 5 ppm Sulfur Dioxide (SO2)	650L	n/a	n/a	18106740
18101220	CYL, 10 ppm Sulfur Dioxide (SO2)	58L	18100883	18102509	18105841
18109079	CYL, 10 ppm Sulfur Dioxide (SO2))	116L	18100883	18102509	18105841
18105817	CYL, 10 ppm Sulfur Dioxide (SO2)	650L	n/a	n/a	18106740
18109414	CYL, 10 ppm Sulfur Dioxide (SO2)	4,000L	n/a	n/a	18106740
18101584	CYL, Zero Grade Air (20.9% Oxygen)	103L	18100883	18102509	18105841
18102320	CYL, Zero Grade Air (20.9% Oxygen)	552L	18102260	18103549	18105833
18109247	CYL, Zero Grade Air (20.9% Oxygen)	4,000L	n/a	18103549	18105833

Bộ hiệu chuẩn được trang bị đầy đủ các dụng cụ cần thiết để đảm bảo thiết bị phát hiện khí vận hành chính xác và có độ tin cậy cao. Bộ dụng cụ bao gồm khí hiệu chuẩn được chứng nhận theo NIST (Viện tiêu chuẩn và công nghệ quốc gia) nhằm hiệu chuẩn thiết bị an toàn, tin cậy. Bộ dụng cụ hiệu chuẩn hoàn chỉnh bao gồm:

- Hộp bảo quản
- Chai khí hiệu chuẩn
- Van hiệu chuẩn



Mã Hàng	Mô Tả	Thể Tích
18102269	KIT, 100 ppm CO, 18% O2, 25% LEL Pentane	103L
18102270	KIT, 100 ppm CO, 19% O2, 2.5% Methane	103L
18109137	KIT, 100 ppm CO, 25 ppm H2S, 18% O2, 25% LEL Pentane	116L
18109139	KIT, 100 ppm CO, 25 ppm H2S, 18% O2, 25% LEL Pentane with Demand Flow Regulator	116L
18109138	KIT, 100 ppm CO, 25 ppm H2S, 18% O2, 2.5% Methane	116L
18103317	KIT, 100 ppm CO, 2.5% CO2, 18% O2, 25% LEL Pentane	103L
18102147	KIT, 25 ppm Ammonia (NH3)	58L
18103275	KIT, 5.0% Carbon Dioxide (CO2)	34L
18102162	KIT, 100 ppm Carbon Monoxide (CO)	103L
18101741	KIT, 10 ppm Chlorine (Cl2)	58L
18102148	KIT, 10 ppm Hydrogen Chloride (HCl)	58L
18102149	KIT, 10 ppm Hydrogen Cyanide (HCN)	58L
18109135	KIT, 25 ppm Hydrogen Sulfide (H2S)	116L
18101303	KIT, 2.5% Methane	34L
18102491	KIT, 99% Methane	34L
18102150	KIT, 25 ppm Nitric Oxide (NO)	58L
18102238	KIT, 5 ppm Nitrogen Dioxide (NO2)	58L
18101469	KIT, 25 ppm Nitrogen Dioxide (NO2)	58L
18101261	KIT, 25% LEL Pentane	34L
18102239	KIT, 5 ppm Sulfur Dioxide (SO2)	58L
18101212	KIT, 10 ppm Sulfur Dioxide (SO2)	58L

Thuật Ngữ Chuyên Dụng Về An Toàn Lao Động

dB: Decibel – Một đơn vị dùng để đo cường độ âm thanh, cứ 3 dB tăng trong cường độ âm thanh phát ra đại diện cho gấp đôi mức độ nhận biết.

eV: Electron Volt – Một thước đo năng lượng cho biết năng lượng cần thiết để di chuyển 1 electron qua 1 volt điện.

IDLH: Immediately Dangerous to Life and Health - Nồng độ khí tối đa (trong PPM) mà một người công nhân có thể thoát ra trong 30 phút mà không bị suy yếu hoặc bị tác động tổn hại đến sức khỏe.

LEL/LFL: Lower Explosive Limit/Lower Flammable Limit - Nồng độ tối thiểu mà một loại khí phát nổ. Đơn vị đo lường thông thường tính bằng phần trăm của LEL.

mA: Milliamp - Một đơn vị tính của dòng điện thể hiện bằng ampe.

PEL: Permissible Exposure Limit - Mức độ khí (trong PPM) mà một công nhân có thể tiếp xúc trong 8 giờ một ngày/ 40 giờ 1 tuần mà sức khỏe của họ không bị ảnh hưởng.

PID: Photoionization Detector – Một thiết bị sử dụng năng lượng ánh sáng tia cực tím để ion hóa và phát hiện sự hiện diện của khí hoặc hơi lạ.

PPM: Part Per Million - Một đơn vị đo lường các loại khí độc. Thuật ngữ này thường chỉ ra một phần trong một triệu thành phần hiện có.

TLV-STEL: Short Term Exposure Limit - Lưu lượng khí trung bình (trong PPM) mà một công nhân có thể tiếp xúc trong thời lượng 15 phút mà không ảnh hưởng đến sức khỏe về sau. Điều này có thể xảy ra 4 lần một ca với 1 giờ nghỉ ngơi giữa 15 phút tiếp xúc.

TLV-TWA: Time Weighted Average - Lưu lượng khí trung bình (trong PPM) mà một công nhân có thể tiếp xúc trong một khoảng thời gian nhất định. Thời lượng này có thể được xác định là 8 giờ cho một ngày làm việc bình thường.

TLV: Threshold Limit Value – Một thuật ngữ được sử dụng để biểu hiện giới hạn nồng độ khí. TLV được sử dụng như một tiền tố của TWA và STEL.

UEL/UFL: Upper Explosive Limit/Upper Flammable Limit – Nồng độ tối đa mà một loại khí sẽ phát nổ.

VAC: Volts Alternating Current – Dòng điện xoay chiều.

VDC: Volts Direct Current – Dòng điện 1 chiều.

VOC: Volatile Organic Compound – Bất kỳ hợp chất nào có chứa cacbon, ngoại trừ metan, mà có thể bay hơi dễ dàng.

Giới Hạn Nở Thấp Của Khí Cháy

Dưới đây là giới hạn nở thấp của một số loại khí được chọn lọc có thể hữu ích:

Aceton	2.5% của lưu lượng	Hydrogen	4.0% của lưu lượng
Aceylene	2.5% của lưu lượng	Isopropyl Alcohol (Isopropanol)	2.0% của lưu lượng
Benzene	1.2% của lưu lượng	Methane	5.0% của lưu lượng
Butane	1.9% của lưu lượng	Methyl Alcohol (Methanol)	6.0% của lưu lượng
Butyl Alcohol (Butanol)	1.4% của lưu lượng	n-Pentane	1.4% của lưu lượng
Diethyl Ether	1.9% của lưu lượng	Propane	2.1% của lưu lượng
Ethane	3% của lưu lượng	Propylene	2.0% của lưu lượng
Ethyl Alcohol (Ethanol)	3.3% của lưu lượng	Styrene	0.9% của lưu lượng
Ethylene	2.7% của lưu lượng	Toluene	1.1% của lưu lượng
Ethylene Oxide	2.7% của lưu lượng	Xylene	1.1% của lưu lượng
Hexane	1.1% của lưu lượng		

Khí	Thấp	Cao	TWA	STEL	Khí	Thấp	Cao	TWA	STEL
O ₂	19.5% vol	23.5% vol	N/A	N/A	H ₂	50 ppm	100 ppm	N/A	N/A
CO	35 ppm	70 ppm	35 ppm	200 ppm	NH ₃	25 ppm	50 ppm	25 ppm	35 ppm
H ₂ S	10 ppm	20 ppm	10 ppm	15 ppm	SO ₂	2 ppm	4 ppm	2 ppm	5 ppm
CH ₄	1% vol	1.5% vol	N/A	N/A	PID	100 ppm	200 ppm	N/A	N/A
LEL	10% LEL	20% LEL	N/A	N/A	CO ₂	0.5% vol	1% vol	0.5% vol	3% vol
NO ₂	3 ppm	6 ppm	3 ppm	5 ppm	PH ₃	0.3 ppm	0.6 ppm	0.3 ppm	0.1 ppm

Bảng Phản Ứng Chéo Của Cảm Biến

Cảm Biến

Khí	Cảm Biến												
	CO	H ₂ S	SO ₂	NO ₂	Cl ₂	ClO ₂	HCN	HCl	PH ₃	NO	H ₂	NH ₃	
CO	100	1	1	0	0	0	0	0	0	0	20	0	
H ₂ S	5	100	1	-40	-3	-25	10	300	25	10	20	25	
SO ₂	0	5	100	0	0	0	-	40	-	0	0	-40	
NO ₂	-5	-25	-165	100	45	-	-70	-	-	30	0	-10	
Cl ₂	-10	-20	-25	10	100	60	-20	6	-20	0	0	-50	
ClO ₂	-	-	-	-	20	100	-	-	-	-	-	-	
HCN	15	10	50	1	0	0	100	35	1	0	30	5	
HCl	3	0	5	0	2	0	0	100	0	15	0	0	
PH ₃	-	-	-	-	-	-100	425	300	100	-	-	-	
NO	25	1	1	5	5	-	-5	-	-	100	30	0	
H ₂	22	0.03	0.5	0	0	0	0	0	0	0	100	0	
NH ₃	0	0	0	0	-	0	0	0	0	0	0	100	
Acetylene	150	<1	15	<1	-	-	-	-	-	<1	-	-	

Khí Độc Hại Trong Môi Trường Công Nghiệp

(Tất cả các thông số này đã được liệt kê bởi các HSE)

Ammonia: NH₃

Khí độc không màu, có mùi hôi thối.

PEL/TWA: 25.0 ppm

IDLH: 300.0 ppm

• Nhà máy phân bón.

• Nước thải và nhà máy xử lý nước thải.

• Thiết bị làm lạnh và kho lạnh.

• Ngành công nghiệp bán dẫn.

STEL: 35.0 ppm

LEL: 15.0 % vol

Hydrogen Cyanide: HCN

Khí độc không màu có mùi cay đắng, giống hạnh nhân.

OSHA PEL/TWA: 10.0 ppm

STEL: 35.0 ppm

LEL: 5.6% vol

• Ngành mạ vàng.

• Khai thác và tái chế kim loại quý.

• Sản xuất nylon.

ACGIH PEL/TWA: 4.7 ppm

IDLH: 50.0 ppm

Carbon Dioxide: CO₂

Khí không màu, không mùi.

PEL/TWA: 5,000.0 ppm

IDLH: 40,000.0 ppm

• Nhà máy bia và nhà máy rượu vang.

• Nhà máy sản xuất nước giải khát đóng chai có ga.

• Nhà máy chế biến thực phẩm.

• Các bãi chôn lấp.

STEL: 30,000.0 ppm

Hydrogen Sulfide: H₂S

Khí độc không màu có mùi hôi của trứng thối.

PEL/TWA: 10.0 ppm

IDLH: 100.0 ppm

Giá trị của TWA theo ACGIH: 1 ppm

Giá trị của STEL theo ACGIH: 5 ppm

• Mỏ dầu và nhà máy lọc dầu.

• Khai thác mỏ và công nghiệp kim loại.

• Nhà máy giấy và các xưởng thuộc da.

• Xử lý nước và cống rãnh.

STEL: 15.0 ppm

LEL: 4.0% vol

Carbon Monoxide: CO

Khí độc không màu, không mùi - khí độc hại nhất.

OSHA PEL/TWA: 50.0 ppm

STEL: 200.0 ppm

LEL: 12.5% vol

• Phòng cháy chữa cháy.

• Nhà máy thép.

• Khai thác mỏ và khoáng sản.

• Bãi đậu xe.

NIOSH PEL/TWA: 35.0 ppm

IDLH: 1,200.0 ppm

Nitric Oxide: NO

Khí độc không màu.

PEL/TWA: 25.0 ppm

IDLH: 20.0 ppm

• Khí thải động cơ diesel.

• Khai thác hầm lò.

• Xới đất nông nghiệp.

• Nhà máy bán dẫn.

STEL: 5.0 ppm

Nitrogen Dioxide: NO₂

Khí độc có màu nâu đỏ, có mùi hăng.

PEL/TWA: 3.0 ppm

IDLH: 20.0 ppm

• Nồi hơi và lò nung.

• Khí thải động cơ diesel.

• Khai thác hầm lò.

• Nhà máy bán dẫn.

STEL: 5.0 ppm

Chlorine: Cl₂

Khí độc có màu vàng xanh có mùi cay nồng và khó chịu.

PEL/TWA: 0.5 ppm

IDLH: 30.0 ppm

• Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy.

• Nhà máy xử lý nước thải.

• Hồ bơi và nhà máy sản xuất clo.

• Lò phản ứng hạt nhân.

STEL: 1.0 ppm

Ozone: O₃

Khí không màu hoặc xanh có mùi rất hăng.

PEL/TWA: 0.1 ppm

IDLH: 5.0 ppm

• Nhà máy xử lý nước thải.

• Ngành điện năng

• Ngành hàn.

STEL: 0.3 ppm

Chlorine Dioxide: ClO₂

Khí có màu vàng đỏ hoặc xanh cam, có mùi khó chịu.

PEL/TWA: 0.1 ppm

IDLH: 5.0 ppm

• Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy.

• Nhà máy xử lý nước thải.

STEL: 0.3 ppm

Phosphine: PH₃

Khí không màu, có mùi tỏi.

PEL/TWA: 0.3 ppm

IDLH: 5.0 ppm

• Thuốc trừ sâu.

• Chất gây nghiện.

STEL: 1.0 ppm

LEL: 1.79% vol

Hydrogen: H₂

Khí không màu, không mùi.

PEL/TWA: không giới hạn bởi OSHA

IDLH: không giới hạn bởi NIOSH

STEL: N/A

LEL: 4% vol

Sulfur Dioxide : SO₂

Khí độc không màu có mùi hăng.

PEL/TWA: 2.0 ppm

IDLH: 100.0 ppm

Giá trị của STEL theo ACGIH: 0.25 ppm

• Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy.

• Các trạm sản xuất than đốt.

• Xử lý nước thải.

• Sản xuất bo mạch điện tử.

STEL: 5.0 ppm

Hydrogen Chloride: HCl

Khí ăn mòn không màu hoặc vàng nhạt với mùi hôi và khó chịu.

OSHA PEL/TWA: 5.0 ppm

LEL: 12.5 % vol

• Sản xuất Vinyl.

• Sản xuất bông vải.

• Giếng dầu và khí đốt.

• Sản xuất thép.

STEL: N/A

IDLH: 50.0 ppm

Hợp Chất Hữu Cơ Dễ Bay Hơi Được Phát Hiện Bởi PID < 10.6 eV

Đèn 10.6 eV

Acetaldehyde
(Acetic acid)
Acetic Anhydride
Acetone
Acrolein
Acrylamide
Allyl Alcohol
Allyl Chloride
Allyl Glycidyl Ether
Allyl Propyl Disulfide
Amino Pyridine
Amyl Acetate
Aniline
Benzene
Benzyl Chloride
Bromoform
Butadiene
Butoxyethanol
Butyl Acetate
Butyl Alcohol
Butyl Mercaptan
Butylamine
Butyl Glycidyl Ether
Butyl Toluene
Camphor Vapor
Carbon Disulfide
Chloroacetaldehyde
Chloroacetophenone
Chlorobenzene
Chloromethyl Methyl Ether
Chloronitropropane
Chloroprene
Chrysene
Cresol
Crotonaldehyde
Cumene
Cyclohexane
Cyclohexanol
Cyclohexanone
Cyclohexene
Cyclopentadiene
Di-ethylhexyl Phthalate
Diacetone Alcohol
Diazomethane
Dibutylphthalate
Dichlorobenzene
Dichloro Ethyl Ether
Dichloroethylene
Dichlorvos
Diesel
Diethylamino Ethanol
Diethylamine
Diglycidyl Ether
Diisobutyl Ketone
Diisopropylamine

Dimethylamine
Dimethylaniline
Dimethylformamide
Dimethylhydrazine
Dimethyloacetamide
Dimethylphthalate
Dinitrotoluene
Dinitro Cresol
Dinitro Analine
Dinitro Benzene
Dioxane
Diphenyl
Dipropylene Glycol Methyl Ether
(Epichlorohydrin)
(Ethanol)
Ethanolamine
Ethoxyethyl Acetate
Ethyl Acetate
Ethyl Acrylate
Ethyl Amyl Ketone
Ethyl Benzene
Ethyl Bromide
Ethyl Butyl Ketone
Ethyl Ether
Ethyl Mercaptan
Ethyl Silicate
Ethylamine
Ethylene Dibromide
Ethylenediamine
Ethyleneimine
Furfural
Furfuryl Alcohol
Gasoline
Glycidol
Heptane
Hexane
Hexanone
Hexone
Hexylacetate
Hydroquinone
Isoamyl Acetate
Isobutyl Acetate
Isobutyl Alcohol
Isophorone
Isopropyl Acetate
Isopropyl Alcohol
Isopropyl Ether
Isopropylamine
Isopropyl Glycidyl Ether
JP 4, 6, 8
Ketene
Mesityl Oxide
Methyl Acetate
Methyl Acetylene
Methyl Acrylate
Methyl Amyl Ketone

Methyl Bromide
Methyl Cellosolve Acetate
Methyl Ethyl Ketone
Methyl Hydrazine
Methyl Iodide
Methyl Mercaptan
Methyl Methacrylate
Methyl Methacrylate
Methyl Styrene
Methylamine
Methylcyclohexane
Methylcyclohexane
Methylcyclohexanol
Monomethylaniline
Morpholine
Naphthalene
Naphthylamine
Nitroaniline
Nitrobenzene
Nitromethane
Nitrosodimethylamine
Nitrotoluene
Octane
Pentaborane
Pentane
Pentanone
Perchloroethylene
Phenol
Phenyl Ether
Phenylene Diamine
Phenylhydrazine
Propyl Acetate
Propyl Alcohol
Propylene Dichloride
Propylene Imine
Propylene Oxide
Pyridine
Quinone
Stibine
Stoddard Solvent Vapor
Styrene
Terphenyls
Tetrachloroethylene
Tetrachloronaphthelene
Tetrahydrofuran
Tetramethyl Lead
Toluene
Toluidine
Toner Fluid Vapor
Trichloroethylene
Triethylamine
Turpentine Vapor
Vinyl Chloride
Vinyl Toluene
White Spirit
Xylene

Không Được Phát Hiện Bởi PID

Acetonitrile
Carbon Dioxide
Carbon Monoxide
Ethane
Freons
Hydrogen
Hydrogen Bromide
Hydrogen Chloride
Hydrogen Cyanide
Hydrogen Fluoride
Methane
Nitric Acid
Nitrogen
Oxygen
Ozone
Sulfur Dioxide
Water

Liên Hệ

CÔNG TY TNHH TM & DV XUYÊN ĐÔNG DƯƠNG

Trụ Sở Chính

131 Đường Tân Cảng, Phường 25,
Quận Bình Thạnh
Tel: (028) 3512.7509 - Fax: (028) 3512.7510
Email: info@panindochina.com.vn

Chi Nhánh Miền Bắc

Phòng 2A, Số 33 Nguyễn Sơn, Tổ 09,
Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên
Tel: (024) 3228.2130 - Fax: (024) 3228.2137
Email: info@panindochina.com.vn

Văn Phòng Đại Diện

Tầng 9 Tòa Nhà PV Bank, Số 2 Đường 30/4,
Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu
Tel: (028) 3512.7509 - Fax: (028) 3512.7510
Email: info@panindochina.com.vn